

LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

TS. LÊ VĂN HÙNG

Khoa Luật – ĐH Kinh tế TP. HCM

Email: lehung.lkt@gmail.com

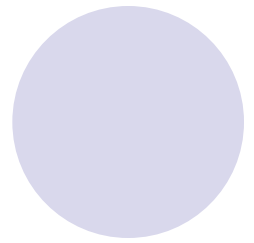
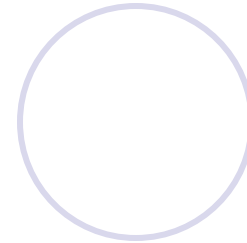
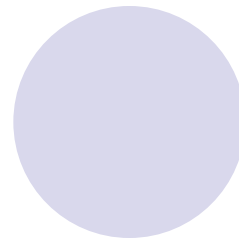
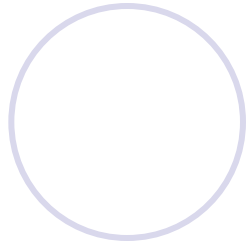
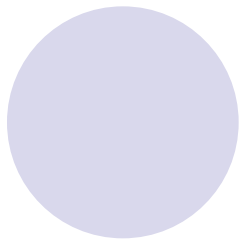
NỘI DUNG

- **CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÀI SẢN TRÍ TUỆ**
- **CHƯƠNG 2: QUYỀN TÁC GIẢ VÀ CÁC QUYỀN LIÊN QUAN**
- **CHƯƠNG 3: QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**
- **CHƯƠNG 4: BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ**
- **CHƯƠNG 5: HỒ LICENCE & CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**
- **CHƯƠNG 6: TRIPS/WTO VÀ VẤN ĐỀ BẢO HỘ SHTT TRONG QUAN HỆ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**
- **CHƯƠNG 7: XỬ LÝ VI PHẠM & GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ SHTT**

TÌNH HUỐNG

- *Công ty Cà phê Trung Nguyên phát hiện công ty Cà phê Mêhycô đã thực hiện một số hành vi sau: Sơn bảng hiệu có các dấu hiệu như “cà phê hàng đầu BMT”, “đem lại nguồn cảm hứng sáng tạo mới” trên nền nâu; đồng thời sử dụng cả mũi tên hướng lên trên, giống Trung Nguyên. Công ty TN yêu*

m không?



- ***Cục SHTT từ chối vì công ty TN không đăng ký bảo hộ các yếu tố vừa kể trên. Tuy nhiên Cục xác nhận rằng hành vi của Mêhycô sử dụng các dấu hiệu đặc trưng của TN là hành vi sử dụng chỉ dẫn thương mại, lợi dụng uy tín và là hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Nhận định của Cục SHTT có hợp lý không?***

TÌNH HUỐNG

- *Công ty Henessy là chủ sở hữu KDCN và nhãn hiệu hàng hóa của chai rượu Henessy XO. Doanh nghiệp TB. đã gom những chai rượu (chai không) Henessy XO rồi cho rượu đế của mình vào và dán nhãn “TB”. Nhãn của Henessy XO và nhãn TB khác nhau, màu rượu cũng khác. Công ty Henessy khiếu nại lên Cục SHTT. Doanh nghiệp TB có vi phạm không?*

TÌNH HUỐNG

- *Một đơn xin đăng ký thành lập DN tại Sở Kế Hoạch và đầu tư với 2 đồng sáng lập là A và B, góp vốn bằng giá trị tên miền, cụ thể:*
- *- A góp vốn 120 triệu bằng 80% giá trị tên miền XYZ.COM*
- *- B góp vốn 30 triệu bằng 20% giá trị tên miền XYX.COM*
- *Góp vốn bằng tên miền có phải là giá trị quyền SHTT không?*
- *Định giá trị phần vốn góp như thế nào?*

TÌNH HUỐNG

- *Công ty Nhựa SG được cấp văn bằng bảo hộ độc quyền KDCN cho sản phẩm là chiếc kệ nâng hàng (palet) của mình. Sau đó công ty phát hiện cơ sở nhựa Đại Đồng Tiến cũng sản xuất chiếc kệ tuy kiểu dáng khác song nguyên tắc thì tương tự. Công ty nhựa SG có thể kiện công ty ĐĐT vi phạm không? Vi phạm gì?*

QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- Hàm lượng trí tuệ trong sản phẩm tăng lên cùng lúc với hàm lượng vật chất trong sản phẩm giảm xuống;
- *“Một container máy ĐTDD có giá trị lớn hơn một container xe máy và càng lớn hơn một container sắt lát”.*
- Bảo vệ SHTT là một yêu cầu quan trọng đối với DN, nhất là trong không gian pháp luật thương mại toàn cầu.

VAI TRÒ CỦA SHTT TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI

Về kinh tế

- Thúc đẩy phát triển kinh tế
- Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh
 - Khuyến khích đầu tư và sáng tạo
- Định hướng nghiên cứu, tránh lãng phí

Về xã hội

- Cân bằng lợi ích
- Bảo vệ người tiêu dùng
 - Bình ổn xã hội
- Tham gia các tổ chức quốc tế

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÀI SẢN TRÍ TUỆ

- **Khái niệm về tài sản**
- **Nội dung của quyền sở hữu:**
 - Quyền chiếm hữu
 - Quyền sử dụng
 - Quyền định đoạt
- *Sở hữu tài sản hữu hình và tài sản trí tuệ có gì khác nhau?*

● **Các đặc điểm của tài sản trí tuệ:**

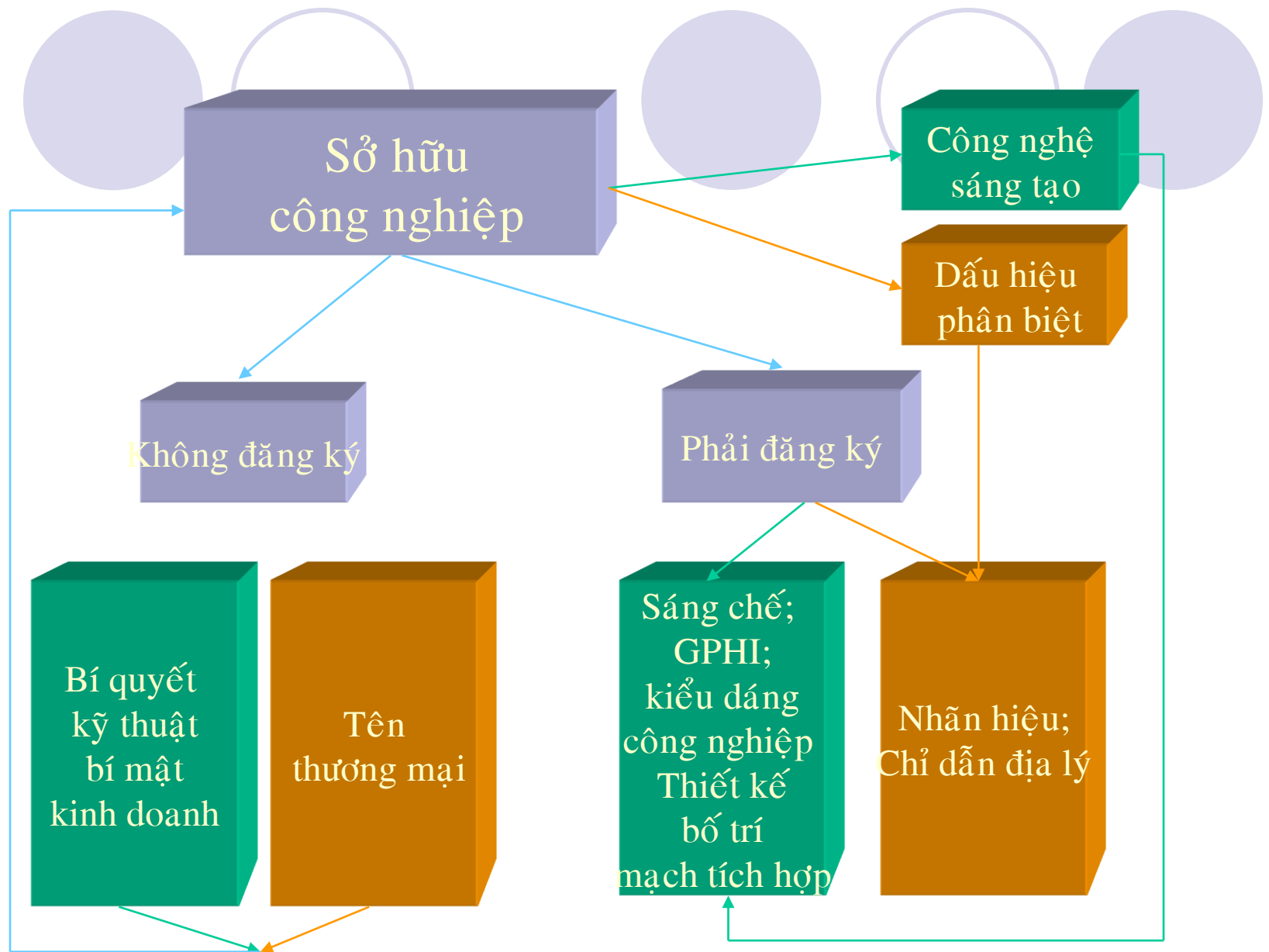
- **Tính “vô hình”**
- **Tính “công” (không tuyệt đối thuộc về riêng tư một chủ thể như TS hữu hình – vai trò đối với sự phát triển XH)**
- **Tính phái sinh (không cạn kiệt mà phát triển qua quá trình sử dụng – sáng tạo)**
- **Tính tương đối (không thể bảo hộ một cách tuyệt đối như TS hữu hình)**
- **Tính giới hạn về thời gian (bảo hộ có thời hạn)**

PHÂN LOẠI QUYỀN SHTT

- Quyền tác giả và quyền liên quan...
- Quyền sở hữu công nghiệp
- Quyền đối với giống cây trồng.

QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- *Quyền sở hữu trí tuệ* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.
- *Quyền tác giả* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.
- *Quyền liên quan đến quyền tác giả* (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.



QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ (tt)

Quyền sở hữu công nghiệp là quyền của tổ chức, cá nhân đối với **sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh** do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

- *Quyền đối với giống cây trồng* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với **giống cây trồng mới** do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- Luật Sở hữu trí tuệ - 2005
- Nghị định 11/CP-2005 về chuyển giao công nghệ
- Nghị định:
 - NĐ 100/CP – 2006 về Quyền tác giả
 - NĐ 103/CP – 2006 về Quyền SHCN
 - NĐ 104/CP – 2006 về Giống cây trồng
 - NĐ 105/CP – 2006 về Quản lý nhà nước trong lĩnh vực SHTT
 - NĐ 106/CP – 2006 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN.

CHƯƠNG 2: QUYỀN TÁC GIẢ VÀ CÁC QUYỀN LIÊN QUAN

- **Khái niệm & đặc điểm quyền tác giả**
- **Đối tượng quyền tác giả**
- **Chủ thể quyền tác giả**
- **Nội dung quyền tác giả**
- **Thời gian bảo hộ**
- **Các quyền liên quan(quyền kế cận)**

KHÁI NIỆM

- Quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với *tác phẩm* do mình *sáng tạo* ra hoặc sở hữu.(đ.4 Luật SHTT)
- *Tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.*

ĐẶC ĐIỂM QUYỀN TÁC GIẢ

- **Quyền TG có 3 đặc điểm:**
 - **Có tính nguyên gốc**
 - **Bảo hộ hình thức thể hiện, không bảo hộ ý tưởng.**
 - **Quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định.**

TÍNH NGUYÊN GỐC

- **Tính nguyên gốc: không sao chép, bắt chước tác phẩm khác.**

Lưu ý: Tính nguyên gốc thể hiện sự sáng tạo của tác giả; khác với bản gốc của tác phẩm khác (*bản gốc* tức là bản tồn tại dưới dạng vật chất mà trên đó việc sáng tạo tác phẩm *định hình* lần đầu tiên.)

Định hình là sự biểu hiện bằng chữ viết, các ký tự khác, đường nét, hình khối, bố cục, màu sắc, âm thanh, hình ảnh hoặc sự tái hiện âm thanh, hình ảnh dưới dạng vật chất nhất định để từ đó có thể nhận biết, sao chép hoặc truyền đạt.

- **Tính nguyên gốc không loại trừ tính kế thừa, ví dụ: Truyện Kiều của Nguyễn Du (cả Thanh Tâm tài nhân lẫn Nguyễn Du đều là tác giả vì *những hình thức thể hiện của ý tưởng do chính tác giả sáng tạo ra*); cũng nằm trong trường hợp này là các tác phẩm dân xuất từ tác phẩm khác: dịch, phóng tác, chuyển thể,...**

LƯU Ý:

- Bảo hộ hình thức thể hiện, không bảo hộ nội dung. *Ví dụ:* ý tưởng về tình yêu có thể được nhiều tác giả thể hiện trong nhiều tác phẩm nhạc, thơ, tiểu thuyết,...
- Quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định.

Như vậy: **Quyền tác giả phát sinh tại thời điểm tạo ra tác phẩm; không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký bảo hộ tác phẩm.**

ĐỐI TƯỢNG QUYỀN TÁC GIẢ

**Các loại hình tác phẩm được bảo hộ QTG
(Đ.14 LSHTT & Đ. 9 > Đ.20 ND 100-2006)**

- a) Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác;
- b) Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác;
- c) Tác phẩm báo chí;
- d) Tác phẩm âm nhạc (bản nhạc, lời bài hát,...)
- đ) Tác phẩm sân khấu;
- e) Tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự (sau đây gọi chung là tác phẩm điện ảnh) như: phim nhựa, phim video, phim truyền hình,...
- g) Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng (tranh, tượng,...)
- h) Tác phẩm nhiếp ảnh;

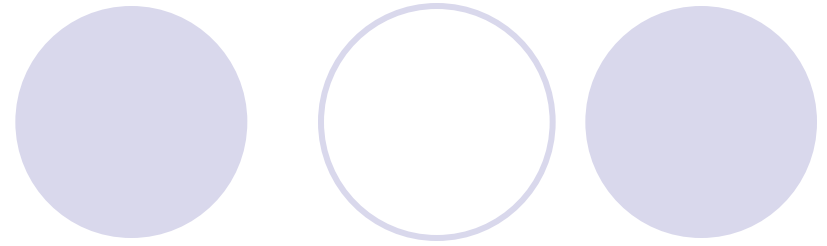
Các loại hình tác phẩm được bảo hộ QTG (Đ.14 LSHTT) tt

- i) Tác phẩm kiến trúc(thiết kế kiến trúc, công trình xây dựng,...)
- k) Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, công trình khoa học;
- l) Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian;
- m) Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu.
- **Lưu ý: Tác phẩm phái sinh** (là tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn,..) chỉ được bảo hộ theo quy định nếu không gây phương hại đến quyền tác giả đối với tác phẩm được dùng để làm tác phẩm phái sinh.
- *Tác phẩm được bảo hộ quy định phải do tác giả trực tiếp sáng tạo bằng lao động trí tuệ của mình mà không sao chép từ tác phẩm của người khác.*

CÁC ĐỐI TƯỢNG **KHÔNG** THUỘC PHẠM VI BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ

- Tin tức thời sự thuần túy đưa tin (các thông tin báo chí ngắn hàng ngày, chỉ mang tính chất đưa tin không có tính sáng tạo).
- Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính, văn bản khác thuộc lĩnh vực tư pháp và bản dịch chính thức của văn bản đó.
- Quy trình, hệ thống, phương pháp hoạt động, khái niệm, nguyên lý, số liệu.

CHỦ THỂ QUYỀN TÁC GIẢ



- Tác giả
- Chủ sở hữu QTG

TÁC GIẢ

- **Tác giả** là người trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học.
 - Tác giả phải là một người hay một nhóm người. *Cá heo vẽ tranh trong các buổi xiếc-không được coi là tác giả & tác phẩm nghệ thuật.*
 - Tác giả phải là người *trực tiếp* tạo ra tác phẩm. GV nêu ý tưởng cho SV viết luận văn. Tác giả luận văn là SV.

TÁC GIẢ (tt)

Gồm:

- a) Cá nhân Việt Nam có tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả;
- b) Cá nhân nước ngoài có tác phẩm được sáng tạo và thể hiện dưới hình thức vật chất nhất định tại Việt Nam;
- c) Cá nhân nước ngoài có tác phẩm được công bố lần đầu tiên tại Việt Nam;
- d) Cá nhân nước ngoài có tác phẩm được bảo hộ tại Việt Nam theo Điều ước quốc tế về quyền tác giả mà Việt Nam là thành viên.
- *Tổ chức, cá nhân làm công việc hỗ trợ, góp ý kiến hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo ra tác phẩm không được công nhận là tác giả.*

Chủ sở hữu quyền tác giả

- Chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức, cá nhân nắm giữ một, một số hoặc toàn bộ các ***quyền tài sản*** theo quy định (Đ. 20 Luật SHTT) bao gồm:
 1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam;
 2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có tác phẩm được sáng tạo và thể hiện dưới hình thức vật chất nhất định tại Việt Nam;
 3. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có tác phẩm được công bố lần đầu tiên tại Việt Nam;
 4. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có tác phẩm được bảo hộ tại Việt Nam theo Điều ước quốc tế về quyền tác giả mà Việt Nam là thành viên.

quyền tài sản

- **Quyền tài sản bao gồm các quyền:**
 - a) Làm tác phẩm phái sinh;**
 - b) Biểu diễn tác phẩm trước công chúng;**
 - c) Sao chép tác phẩm;**
 - d) Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm;**
 - đ) Truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác;**
 - e) Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.**
- **Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện.**
- **Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, ...**

Chủ sở hữu quyền tác giả(tt)

- Điều 37. Chủ sở hữu quyền tác giả là tác giả
- Điều 38. Chủ sở hữu quyền tác giả là các đồng tác giả
- Điều 39. Chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức, cá nhân giao nhiệm vụ cho tác giả hoặc giao kết hợp đồng với tác giả
- Điều 40. Chủ sở hữu quyền tác giả là người thừa kế
- Điều 41. Chủ sở hữu quyền tác giả là người được chuyển giao quyền
- Điều 42. Chủ sở hữu quyền tác giả là Nhà nước
- Điều 43. Tác phẩm thuộc về công chúng

Chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm khuyết danh

- 1. Tác phẩm khuyết danh thuộc sở hữu Nhà nước.
- 2. Trường hợp tác phẩm khuyết danh do các tổ chức, cá nhân đang quản lý thì tổ chức, cá nhân đó được hưởng quyền của chủ sở hữu.
- 3. Khi danh tính chủ sở hữu thực sự của tác phẩm được xác định thì quyền sở hữu thuộc về chủ sở hữu đó, kể từ ngày danh tính chủ sở hữu được xác định.

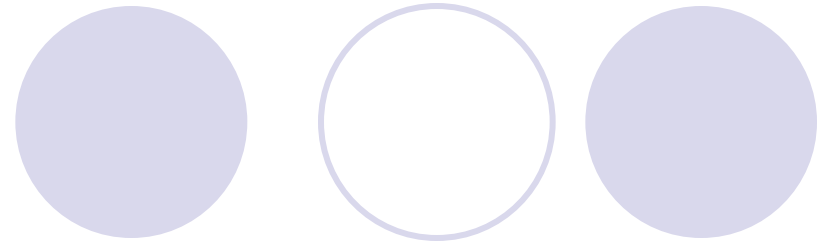
Sử dụng tác phẩm thuộc sở hữu nhà nước

- Tổ chức, cá nhân khi sử dụng tác phẩm thuộc sở hữu nhà nước phải thực hiện các nghĩa vụ sau:
- a) Xin phép sử dụng;
- b) Thanh toán tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác;
- c) Nộp một bản sao tác phẩm trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày phổ biến, lưu hành.
- Tổ chức, cá nhân thực hiện các nghĩa vụ quy định trên tại Cục Bản quyền tác giả Văn học - Nghệ thuật.
- Cục Bản quyền tác giả Văn học - Nghệ thuật chịu trách nhiệm nhận chuyển giao quyền tác giả dưới bất kỳ hình thức nào của các tổ chức, cá nhân quy định của pháp luật.
- Bộ Văn hoá - Thông tin và Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính.

Sử dụng tác phẩm thuộc về công chúng(hết thời hạn bảo hộ)

- Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm thuộc về công chúng phải tôn trọng quyền nhân thân (đặt tên cho tác phẩm; đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng; bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.quy định) - khoản 1, 2 và 4 Điều 19 của Luật SHTT.
- Chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm thuộc về công chúng **không được** hưởng quyền công bố quy định (Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm);
- Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan khi phát hiện các hành vi xâm phạm quyền nhân thân đối với các tác phẩm đã kết thúc thời hạn bảo hộ thì có quyền yêu cầu người có hành vi xâm phạm chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại; có quyền khiếu nại, tố cáo, yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý. Tuy theo tính chất và mức độ xâm phạm, các tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm có thể bị xử lý theo pháp luật hành chính, dân sự hoặc hình sự.
- Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ các quyền nhân thân đối với những tác phẩm của Hội viên đã kết thúc thời hạn bảo hộ.

NỘI DUNG QUYỀN TÁC GIẢ



- Quyền nhân thân
- Quyền tài sản

QUYỀN NHÂN THÂN

- *Quyền nhân thân **không thể chuyển giao** cho người khác:*

- 1. Quyền đặt tên cho tác phẩm (“ đưa con tinh thần”)
- 2. Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén tác phẩm, trừ trường hợp có thoả thuận của tác giả.
- 3. Quyền đứng tên thật, bút danh trên tác phẩm.

- *Quyền nhân thân **có thể chuyển giao** cho người khác:*

- Quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm (phát hành tác phẩm đến công chúng) qua một hợp đồng chuyển giao.

QUYỀN TÀI SẢN

- 1. Quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng
- 2. Quyền sao chép
- 3. Quyền phân phối bản gốc hoặc bản sao tác phẩm
- 4. Quyền truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác.
- 5. Quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.
- 6. Quyền làm tác phẩm phái sinh (*phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn,...*).

THỜI ĐIỂM PHÁT SINH VÀ THỜI HẠN BH QUYỀN TG

- Quyền tác giả phát sinh kể từ ngày tác phẩm được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định;
- Quyền nhân thân (không thể chuyển giao) thuộc quyền tác giả **tồn tại vô thời hạn**;
- Quyền nhân thân (có thể chuyển giao) và quyền tài sản thuộc quyền tác giả tồn tại trong thời hạn do pháp luật về SHTT quy định như sau:

THỜI HẠN BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ(tt)

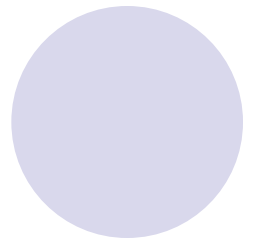
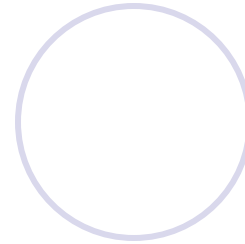
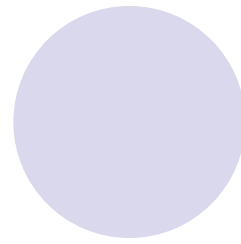
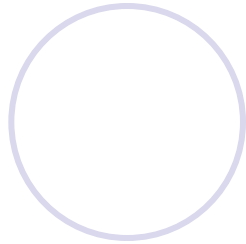
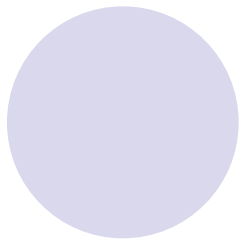
- a) Tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, sân khấu, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm khuyết danh có thời hạn bảo hộ là **50 năm**, kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên.
- b) Tác phẩm không thuộc loại hình quy định (tại điểm a) có thời hạn bảo hộ là **suốt cuộc đời tác giả và 50 năm tiếp theo năm tác giả chết; trong trường hợp tác phẩm có đồng tác giả thì thời hạn bảo hộ chấm dứt vào năm thứ 50 sau năm đồng tác giả cuối cùng chết;**
- c) Thời hạn bảo hộ quy định trên chấm dứt vào thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 của năm chấm dứt thời hạn bảo hộ quyền tác giả.

Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố *không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao* :

- Tự sao chép một bản nhằm mục đích NCKH, giảng dạy của cá nhân;
- Trích dẫn hợp lý, không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa
- Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để viết báo, dùng trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu;
- Trích dẫn tác phẩm để giảng dạy trong nhà trường;
- Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện;
- Biểu diễn tác phẩm trong các buổi sinh hoạt văn hoá không thu tiền
- Ghi âm, ghi hình trực tiếp buổi biểu diễn để đưa tin thời sự hoặc để giảng dạy;
- Chụp ảnh, truyền hình tác phẩm tạo hình, kiến trúc, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng được trưng bày tại nơi công cộng nhằm giới thiệu hình ảnh của tác phẩm đó;
- Chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị;
- Nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng.

Lưu ý về việc sử dụng tác phẩm...:

- **Không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm và phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm.**
- **Việc sử dụng tác phẩm trong các trường hợp nêu trên không áp dụng đối với tác phẩm kiến trúc, tác phẩm tạo hình, chương trình máy tính.**



- **Tác phẩm tạo hình là tác phẩm được thể hiện bởi đường nét, màu sắc, hình khối, bố cục như: hội họa, đồ họa, điêu khắc, nghệ thuật sắp đặt và các hình thức thể hiện tương tự, tồn tại dưới dạng độc bản.**

- ***Tác phẩm kiến trúc là các bản vẽ thiết kế dưới bất kỳ hình thức nào thể hiện ý tưởng sáng tạo về ngôi nhà, công trình xây dựng, quy hoạch không gian (quy hoạch xây dựng) đã hoặc chưa xây dựng. Tác phẩm kiến trúc bao gồm các bản vẽ thiết kế về mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, phối cảnh, thể hiện ý tưởng sáng tạo về ngôi nhà, công trình, tổ hợp công trình kiến trúc, tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan của một vùng, một đô thị, hệ thống đô thị, khu chức năng đô thị, khu dân cư nông thôn.***
- ***Mô hình, sa bàn về ngôi nhà, công trình xây dựng hoặc quy hoạch không gian được coi là tác phẩm kiến trúc độc lập.***

Các trường hợp sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao:

- **Thực hiện chương trình phát sóng có tài trợ, quảng cáo hoặc thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào**
- **Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm (nói trên) không được làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm.**
- *Việc sử dụng tác phẩm trong các trường hợp quy định vừa nêu không áp dụng đối với tác phẩm điện ảnh.*

QUYỀN LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN TÁC GIẢ

- Quyền liên quan đến quyền tác giả (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ QUYỀN LIÊN QUAN

- **Tổ chức, cá nhân được bảo hộ quyền liên quan:**
 - **1. Diễn viên, ca sĩ, nhạc công, vũ công và những người khác trình bày tác phẩm văn học, nghệ thuật (sau đây gọi chung là người biểu diễn).**
 - **2. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu cuộc biểu diễn (khoản 1 Điều 44 Luật SHTT).**
 - **3. Nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình.**
 - **4. Tổ chức phát sóng**

NỘI DUNG BẢO HỘ QLQ – QUYỀN CỦA NGƯỜI BIỂU DIỄN

- 1. *Người biểu diễn đồng thời là chủ đầu tư có các quyền nhân thân và các quyền tài sản đối với cuộc biểu diễn; trong trường hợp người biểu diễn không đồng thời là chủ đầu tư thì:*
 - Người biểu diễn có các quyền nhân thân
 - Chủ đầu tư có các quyền tài sản đối với cuộc biểu diễn.
- 2. ***Quyền nhân thân*** bao gồm :
 - a) Được giới thiệu tên khi biểu diễn, khi phát hành bản ghi âm, ghi hình, phát sóng cuộc biểu diễn;
 - b) Bảo vệ sự toàn vẹn hình tượng biểu diễn, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của người biểu diễn.

NỘI DUNG BẢO HỘ QLQ – QUYỀN CỦA NGƯỜI BIỂU DIỄN(tt)

- 3. ***Quyền tài sản*** bao gồm độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện các quyền sau đây:
 - a) Định hình cuộc biểu diễn trực tiếp của mình trên bản ghi âm, ghi hình;
 - b) Sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp cuộc biểu diễn của mình đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình;
 - c) Phát sóng hoặc truyền theo cách khác đến công chúng cuộc biểu diễn của mình
 - d) Phân phối đến công chúng bản gốc và bản sao cuộc biểu diễn của mình thông qua hình thức bán, cho thuê ,..
- 4. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng các quyền tài sản ***phải trả tiền thù lao*** cho người biểu diễn theo quy định của pháp luật hoặc theo thoả thuận.

NỘI DUNG BẢO HỘ QLQ – QUYỀN CỦA NHÀ SẢN XUẤT BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH

- **Độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện các quyền sau đây:**
 - a) Sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp bản ghi âm, ghi hình của mình;
 - b) Phân phối đến công chúng bản gốc và bản sao thông qua hình thức bán, cho thuê,...
- **Nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình được hưởng quyền lợi vật chất khi bản ghi âm, ghi hình của mình được phân phối đến công chúng.**

QUYỀN CỦA TỔ CHỨC PHÁT SÓNG

- **Độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện các quyền sau đây:**
 - a) Phát sóng, tái phát sóng chương trình phát sóng của mình;
 - b) Phân phối đến công chúng chương trình phát sóng của mình;
 - c) Định hình chương trình phát sóng của mình;
 - d) Sao chép bản định hình chương trình phát sóng của mình.
- **Tổ chức phát sóng được hưởng quyền lợi vật chất khi chương trình phát sóng của mình được ghi âm, ghi hình, phân phối đến công chúng.**

Các trường hợp sử dụng quyền liên quan **không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao**

- Tự sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học của cá nhân;
- Tự sao chép một bản nhằm mục đích giảng dạy,
- Trích dẫn hợp lý nhằm mục đích cung cấp thông tin;
- Tổ chức phát sóng tự làm bản sao tạm thời để phát sóng khi được hưởng quyền phát sóng.

Các trường hợp sử dụng quyền liên quan **không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao**

- a) Sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp bản ghi âm, ghi hình đã được công bố nhằm mục đích thương mại để thực hiện chương trình phát sóng có tài trợ, quảng cáo hoặc thu tiền
- b) Sử dụng bản ghi âm, ghi hình đã được công bố trong hoạt động kinh doanh, thương mại.

Thời hạn bảo hộ quyền liên quan

- **Quyền của người biểu diễn được bảo hộ 50 năm tính từ năm tiếp theo năm cuộc biểu diễn được định hình.**
- **Quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình được bảo hộ 50 năm tính từ năm tiếp theo năm công bố hoặc 50 năm kể từ năm tiếp theo năm bản ghi âm, ghi hình được định hình nếu bản ghi âm, ghi hình chưa được công bố.**
- **Quyền của tổ chức phát sóng được bảo hộ 50 năm tính từ năm tiếp theo năm chương trình phát sóng được thực hiện.**
- **Thời hạn bảo hộ quy định trên chấm dứt vào thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 của năm chấm dứt thời hạn bảo hộ các quyền liên quan.**



CHƯƠNG 3:

QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- *Quyền sở hữu trí tuệ* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.
- *Quyền tác giả* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.
- *Quyền liên quan đến quyền tác giả* (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

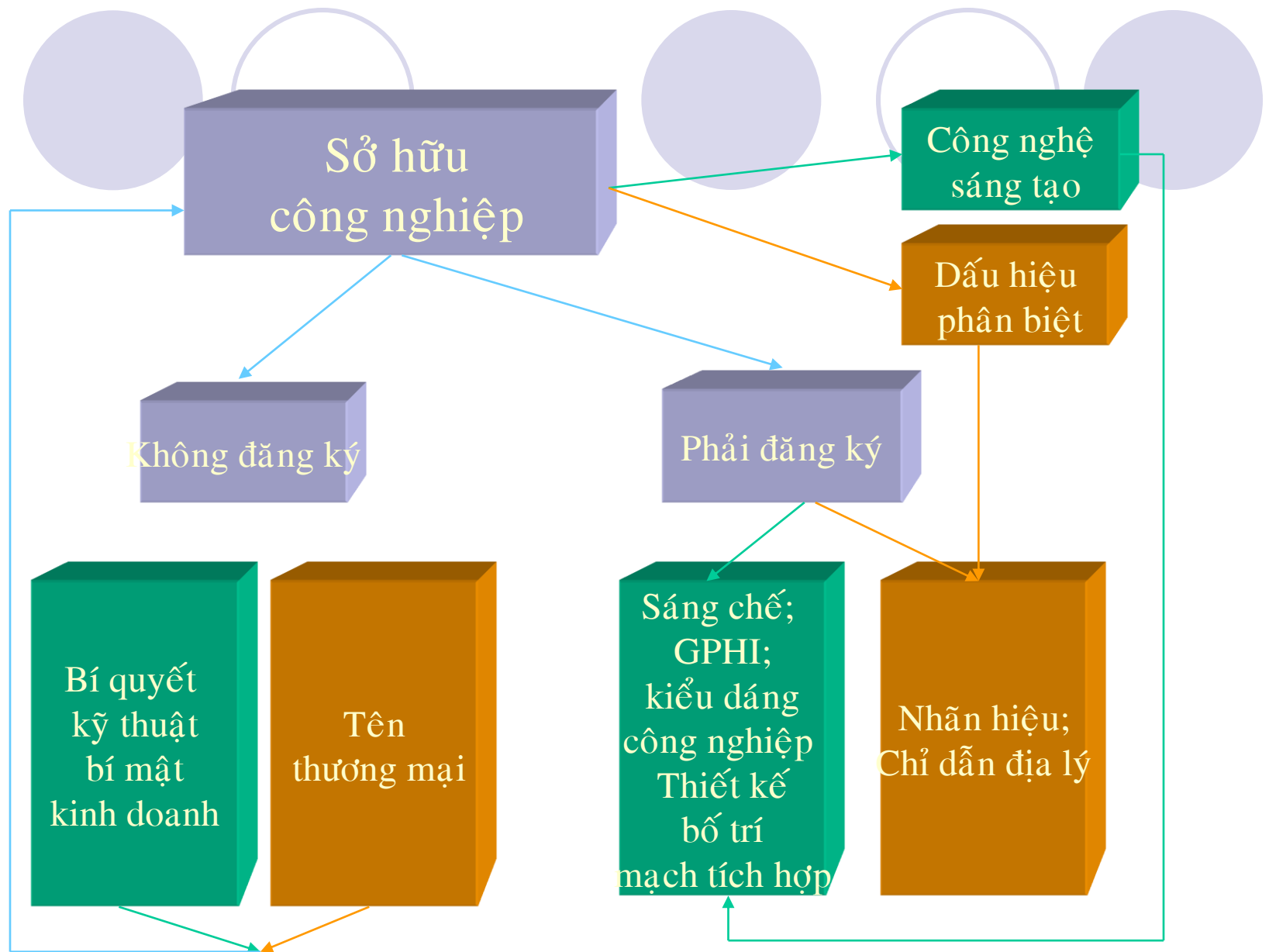
Tiêu chuẩn bảo hộ

Bản quyền & quyền liên quan

Sở hữu công
nghiệp

**SỞ HỮU
TRÍ TUỆ**

Giống cây
trồng mới



QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ (tt)

Quyền sở hữu công nghiệp là quyền của tổ chức, cá nhân đối với **sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh** do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

- *Quyền đối với giống cây trồng* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với **giống cây trồng mới** do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.

Q SHCN: SÁNG CHẾ & GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

- ***Sáng chế*** là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.
- ***Kiểu dáng công nghiệp*** là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

Q SHCN: THIẾT KẾ BỐ TRÍ...

- ***Mạch tích hợp bán dẫn*** là sản phẩm dưới dạng thành phẩm hoặc bán thành phẩm, trong đó các phần tử với ít nhất một phần tử tích cực và một số hoặc tất cả các mối liên kết được gắn liền bên trong hoặc bên trên tấm vật liệu bán dẫn nhằm thực hiện chức năng điện tử. Mạch tích hợp đồng nghĩa với IC, chip và mạch vi điện tử.
- ***Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn*** (sau đây gọi là thiết kế bố trí) là cấu trúc không gian của các phần tử mạch và mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn.

Q SHCN: NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ

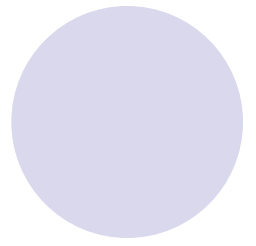
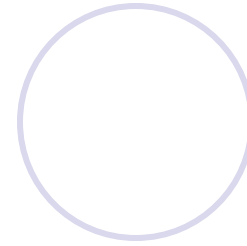
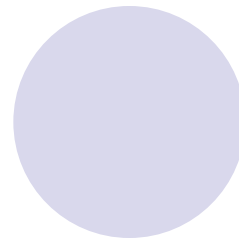
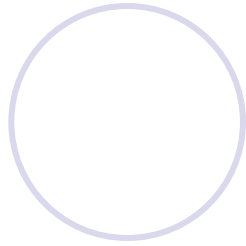
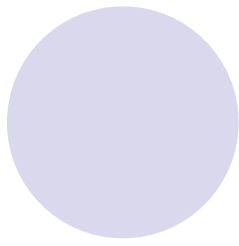
- ***Nhãn hiệu*** là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.
- ***Nhãn hiệu tập thể*** là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hoá, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của tổ chức đó.

Q SHCN: NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ

- ***Nhãn hiệu chứng nhận*** là nhãn hiệu mà chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng trên hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân đó để chứng nhận các đặc tính về xuất xứ, nguyên liệu, vật liệu, cách thức sản xuất hàng hoá, cách thức cung cấp dịch vụ, chất lượng, độ chính xác, độ an toàn hoặc các đặc tính khác của hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu.

Q SHCN: NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ

- *Nhãn hiệu liên kết* là các nhãn hiệu do cùng một chủ thể đăng ký, trùng hoặc tương tự nhau dùng cho sản phẩm, dịch vụ cùng loại hoặc tương tự nhau hoặc có liên quan với nhau.
- *Nhãn hiệu nổi tiếng* là nhãn hiệu được người tiêu dùng biết đến rộng rãi trên toàn lãnh thổ Việt Nam.(Đ. 75 L. SHTT)

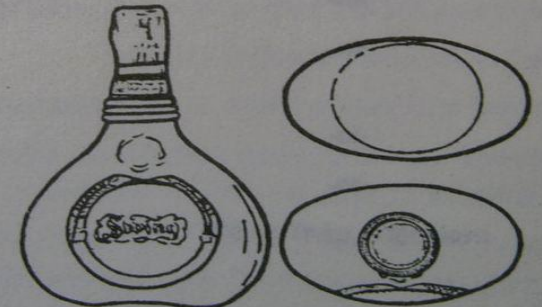


Nhãn hiệu liên kết là các nhãn hiệu do cùng một chủ thể đăng ký, trùng hoặc tương tự nhau dùng cho sản phẩm, dịch vụ cùng loại hoặc tương tự nhau hoặc có liên quan với nhau.

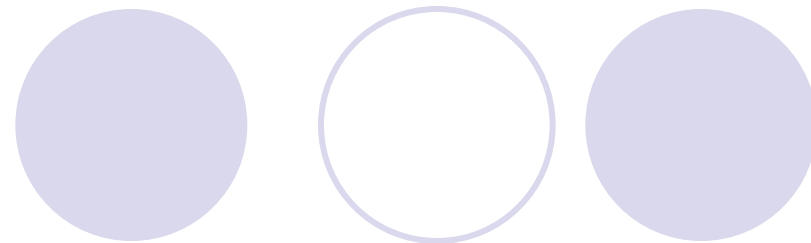
Nhãn hiệu nổi tiếng là nhãn hiệu được người tiêu dùng biết đến rộng rãi trên toàn lãnh thổ Việt Nam.



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
NHHH SỐ: 156
SẢN PHẨM ĐƯỢC MANG NHÃN:
Đồ uống có chất rượu



Q SHCN: TÊN THƯƠNG MẠI



- ***Tên thương mại*** là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh.
- **Khu vực kinh doanh** là khu vực địa lý nơi chủ thể kinh doanh có bàn hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng.

Q SHCN: CHỈ DẪN ĐỊA LÝ- BÍ MẬT KD

- ***Chỉ dẫn địa lý*** là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể.
- ***Bí mật kinh doanh*** là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.

GIỐNG CÂY TRỒNG

- ***Giống cây trồng*** là quần thể cây trồng thuộc cùng một cấp phân loại thực vật thấp nhất, đồng nhất về hình thái, ổn định qua các chu kỳ nhân giống, có thể nhận biết được bằng sự biểu hiện các tính trạng do kiểu gen hoặc sự phối hợp của các kiểu gen quy định và phân biệt được với bất kỳ quần thể cây trồng nào khác bằng sự biểu hiện của ít nhất một tính trạng có khả năng di truyền được.

ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ SÁNG CHẾ

- 1. Sáng chế được bảo hộ => **Bằng độc quyền sáng chế** nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - a) Có tính mới;
 - b) Có trình độ sáng tạo;
 - c) Có khả năng áp dụng công nghiệp.
- 2. Sáng chế được bảo hộ => **Bằng độc quyền giải pháp hữu ích** nếu *không phải* là hiểu biết thông thường và đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - a) Có tính mới;
 - b) Có khả năng áp dụng công nghiệp. (xem đ.59->62 LSHTT)

ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ KDCN

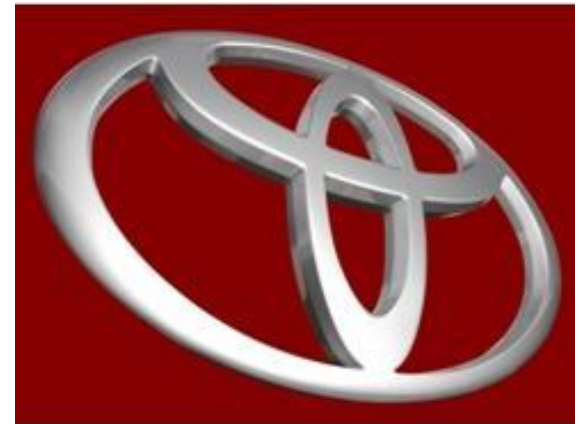
- KDCN được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện:
 - 1. Có tính mới;
 - 2. Có tính sáng tạo;
 - 3. Có khả năng áp dụng công nghiệp.
- *Các đối tượng sau đây **không** được bảo hộ với danh nghĩa kiểu dáng công nghiệp:*
 - 1. Hình dáng bên ngoài của sản phẩm do đặc tính kỹ thuật của sản phẩm bắt buộc phải có;
 - 2. Hình dáng bên ngoài của công trình xây dựng dân dụng hoặc công nghiệp;
 - 3. Hình dáng của sản phẩm không nhìn thấy được trong quá trình sử dụng sản phẩm.

ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ TKẾ BTRÍ...

- Thiết kế bố trí được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - 1. Có tính nguyên gốc;
 - 2. Có tính mới thương mại.
- Đối tượng **không được** bảo hộ với danh nghĩa thiết kế bố trí (Điều 69. LSHTT):
 - 1. Nguyên lý, quy trình, hệ thống, phương pháp được thực hiện bởi mạch tích hợp bán dẫn;
 - 2. Thông tin, phần mềm chứa trong mạch tích hợp bán dẫn.(xem đ.68-71 LSHTT)

ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ NHÃN HIỆU

Có khả năng phân biệt hàng hoá, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hoá dịch vụ của chủ thể khác



BẢO HỘ NHÃN HIỆU

- **Nhãn hiệu được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:**
 - **1. Là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc;**
 - **2. Có khả năng phân biệt hàng hoá, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hoá, dịch vụ của chủ thể khác.**

BẢO HỘ NHÃN HIỆU(tt)

- Các dấu hiệu sau đây **không** được bảo hộ với danh nghĩa NH:(Đ.73)
- 1. Trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với hình quốc kỳ, quốc huy của các nước;
- 2. Trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với biểu tượng, cờ, huy hiệu, tên viết tắt, tên đầy đủ của cơ quan NN, tổ chức CT, tổ chức CT-XH, tổ chức CTXH - nghề nghiệp, tổ chức XH, tổ chức XH - nghề nghiệp của VN và tổ chức quốc tế, nếu không được cơ quan, tổ chức đó cho phép;
- 3. Trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tên thật, biệt hiệu, bút danh, hình ảnh của lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân của VN, của nước ngoài;
- 4. Trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với dấu chứng nhận, dấu kiểm tra, dấu bảo hành của tổ chức quốc tế mà tổ chức đó có yêu cầu không được sử dụng, trừ trường hợp chính tổ chức này đăng ký các dấu đó làm nhãn hiệu chứng nhận;
- 5. Làm hiểu sai lệch, gây nhầm lẫn hoặc có tính chất lừa dối người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ, tính năng, công dụng, chất lượng, giá trị hoặc các đặc tính khác của hàng hoá, dịch vụ.(xem đ. 72-75)

BẢO HỘ TÊN THƯƠNG MẠI

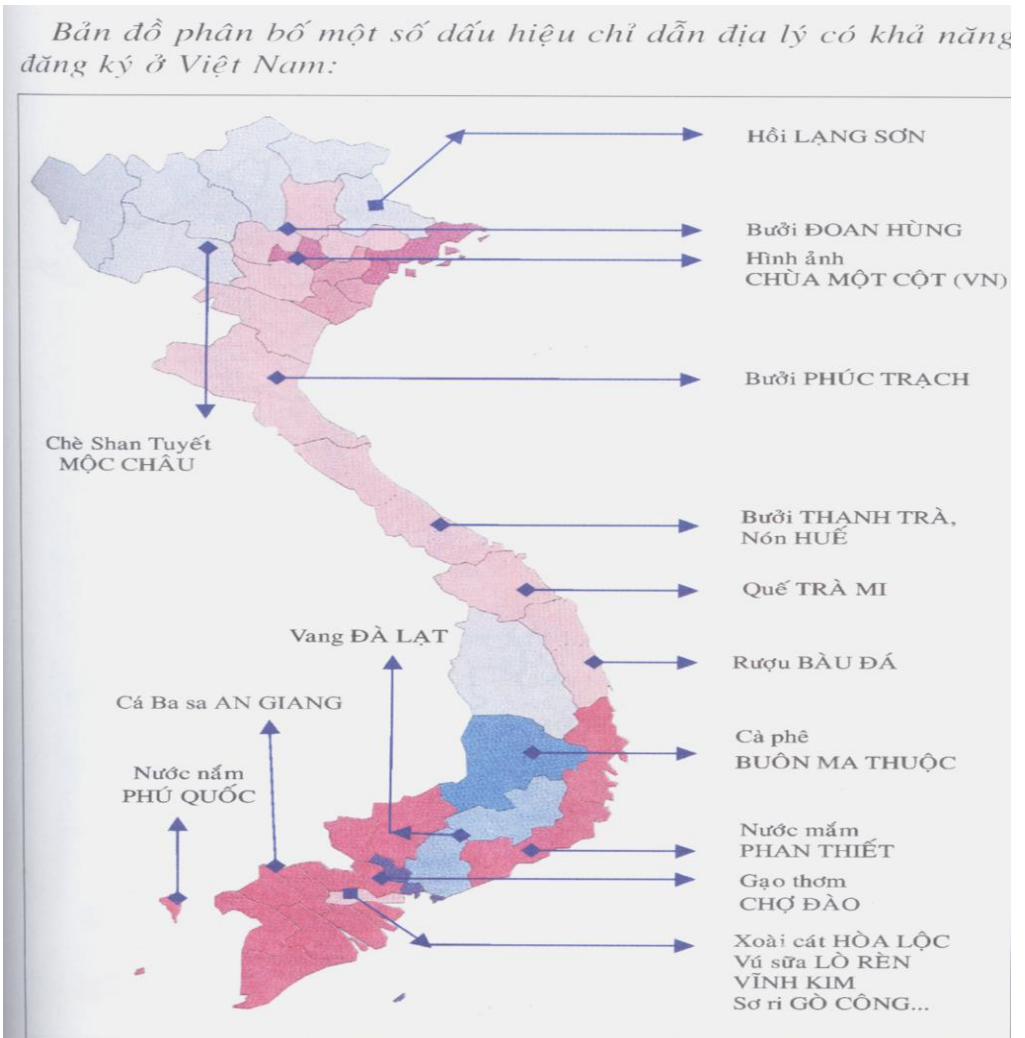
- Tên thương mại được bảo hộ nếu có khả năng phân biệt chủ thể KD mang tên thương mại đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực KD.
- *Đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa tên thương mại (Điều 77.):*

Tên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoặc chủ thể khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh thì không được bảo hộ với danh nghĩa tên thương mại.(76-78)

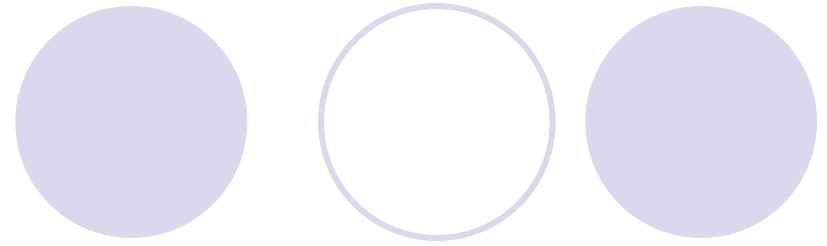
CHỈ DẪN ĐỊA LÝ



Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể. (Đ 4.22)



BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ



- **Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:**
 - **1. Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có nguồn gốc địa lý từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý;**
 - **2. Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lý của khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý đó quyết định.**

BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ(tt)

- Các đối tượng sau đây **không** được bảo hộ với danh nghĩa chỉ dẫn địa lý:
 - 1. Tên gọi, chỉ dẫn đã trở thành tên gọi chung của hàng hoá ở Việt Nam;
 - 2. Chỉ dẫn địa lý của nước ngoài mà tại nước đó chỉ dẫn địa lý không được bảo hộ, đã bị chấm dứt bảo hộ hoặc không còn được sử dụng;
 - 3. Chỉ dẫn địa lý trùng hoặc tương tự với một nhãn hiệu đang được bảo hộ, nếu việc sử dụng chỉ dẫn địa lý đó được thực hiện thì sẽ gây nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm;
 - 4. Chỉ dẫn địa lý gây hiểu sai lệch cho người tiêu dùng về nguồn gốc địa lý thực của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đó.

BẢO HỘ BÍ MẬT KINH DOANH

- **Bí mật kinh doanh được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:**
 - **1. Không phải là hiểu biết thông thường và không dễ dàng có được;**
 - **2. Khi được sử dụng trong kinh doanh sẽ tạo cho người nắm giữ bí mật kinh doanh lợi thế so với người không nắm giữ hoặc không sử dụng bí mật kinh doanh đó;**
 - **3. Được chủ sở hữu bảo mật bằng các biện pháp cần thiết để bí mật kinh doanh đó không bị bộc lộ và không dễ dàng tiếp cận được.**

NGUYÊN TẮC (GIỚI HẠN) CỦA QUYỀN SHTT

- 1. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ chỉ được thực hiện quyền của mình trong phạm vi và thời hạn bảo hộ theo quy định của Luật SHTT.
- 2. Việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ không được xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được vi phạm các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- 3. Trong trường hợp nhằm bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và các lợi ích khác của Nhà nước, xã hội quy định tại Luật SHTT, Nhà nước có quyền cấm hoặc hạn chế chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền của mình hoặc buộc chủ thể quyền sở hữu trí tuệ phải cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng một hoặc một số quyền của mình với những điều kiện phù hợp.

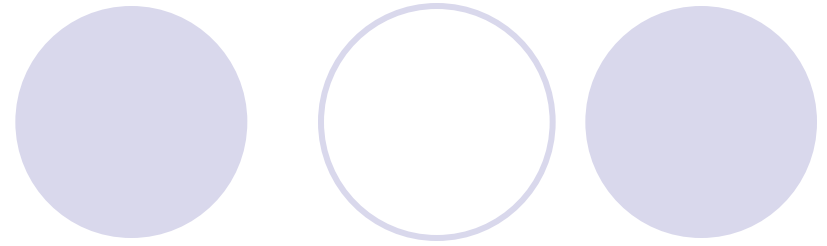
TÓM TẮT VỀ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

- **Nội dung QSHCN: Quyền chiếm hữu; Độc quyền sử dụng; Chuyển giao quyền sử dụng, quyền sở hữu đối tượng.**
- ***Lưu ý một số giới hạn của QSHCN: thời gian, quyền của người sử dụng trước, licence không tự nguyện, quyền tác giả, đình chỉ hiệu lực bảo hộ,..***

VĂN BẰNG BẢO HỘ

- *Văn bằng bảo hộ* là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; quyền đối với giống cây trồng.
- Văn bằng bảo hộ gồm Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu và Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý.

HIỆU LỰC CỦA VĂN BẰNG BH

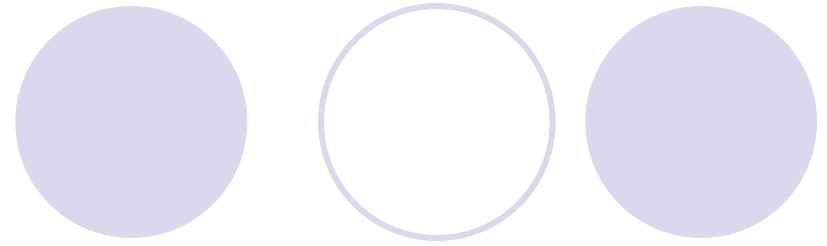


- Văn bằng bảo hộ có hiệu lực trên toàn lãnh thổ VN.
- **Bằng độc quyền sáng chế** có hiệu lực từ ngày cấp và kéo dài đến **hết hai mươi năm** kể từ ngày nộp đơn.
- **Bằng độc quyền giải pháp hữu ích** có hiệu lực từ ngày cấp và kéo dài đến **hết mười năm** kể từ ngày nộp đơn.
- **Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp** có hiệu lực từ ngày cấp và kéo dài đến **hết năm năm** kể từ ngày nộp đơn, **có thể gia hạn hai lần liên tiếp**, mỗi lần năm năm.

HIỆU LỰC CỦA VĂN BẰNG BH

- Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn có hiệu lực từ ngày cấp và **chấm dứt vào ngày sớm nhất trong số những ngày sau đây:**
- a) Kết thúc **mười năm** kể từ ngày nộp đơn;
- b) Kết thúc **mười năm** kể từ ngày thiết kế bố trí được người có quyền đăng ký hoặc người được người đó cho phép khai thác thương mại lần đầu tiên tại bất kỳ nơi nào trên thế giới;
- c) Kết thúc **mười lăm năm** kể từ ngày tạo ra thiết kế bố trí.

HIỆU LỰC CỦA VĂN BẰNG BH



- **Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu** có hiệu lực từ ngày cấp đến **hết mười năm** kể từ ngày nộp đơn, có thể **gia hạn nhiều lần liên tiếp**, mỗi lần mười năm.
- **Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý** có hiệu lực vô thời hạn kể từ ngày cấp.

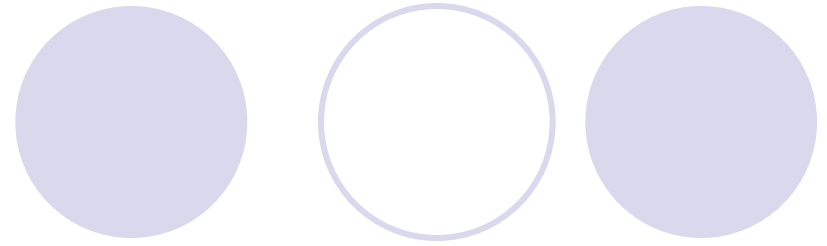
LƯU Ý:

- 1. Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký cùng một sáng chế hoặc đăng ký các kiểu dáng công nghiệp trùng hoặc không khác biệt đáng kể với nhau hoặc đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau hoặc tương tự với nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ có thể được cấp cho đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ.
- 2. Trong trường hợp có nhiều đơn đăng ký cùng đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ và cùng có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất thì văn bằng bảo hộ chỉ có thể được cấp cho một đơn duy nhất trong số các đơn đó theo sự thoả thuận của tất cả những người nộp đơn; nếu không thoả thuận được thì tất cả các đơn đều bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

NGUYÊN TẮC ƯU TIÊN Điều 91

- **1. Người nộp đơn đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu có quyền yêu cầu hưởng quyền ưu tiên trên cơ sở đơn đầu tiên đăng ký bảo hộ cùng một đối tượng nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:**
- **a) Đơn đầu tiên đã được nộp tại Việt Nam hoặc tại nước là thành viên của điều ước quốc tế có quy định về quyền ưu tiên mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng là thành viên hoặc có thoả thuận áp dụng quy định như vậy với Việt Nam;**

NGUYÊN TẮC ƯU TIÊN(tt)



- **b) Người nộp đơn là công dân Việt Nam, công dân của nước khác quy định tại điểm a khoản này cư trú hoặc có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc tại nước khác quy định tại điểm a khoản này;**
- **c) Trong đơn có nêu rõ yêu cầu được hưởng quyền ưu tiên và có nộp bản sao đơn đầu tiên có xác nhận của cơ quan đã nhận đơn đầu tiên;**
- **d) Đơn được nộp trong thời hạn ấn định tại điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.**

NGUYÊN TẮC ƯU TIÊN(tt)

- **2. Trong một đơn đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp hoặc nhãn hiệu, người nộp đơn có quyền yêu cầu hưởng quyền ưu tiên trên cơ sở nhiều đơn khác nhau được nộp sớm hơn với điều kiện phải chỉ ra nội dung tương ứng giữa các đơn nộp sớm hơn ứng với nội dung trong đơn.**
- **3. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp được hưởng quyền ưu tiên có ngày ưu tiên là ngày nộp đơn của đơn đầu tiên.**

CHẤM DỨT HIỆU LỰC VBBH

- Chủ văn bằng bảo hộ **không nộp lệ** phí duy trì hiệu lực hoặc gia hạn hiệu lực;
- Chủ văn bằng bảo hộ **tuyên bố từ bỏ** quyền sở hữu công nghiệp;
- Chủ văn bằng bảo hộ **không còn tồn tại** hoặc chủ GCN ĐK nhãn hiệu **không còn hoạt động kinh doanh mà không có người kế thừa hợp pháp**;
- Nhãn hiệu **không được** chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu cho phép **sử dụng trong thời hạn năm năm liên tục** trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất ba tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực;

CHẤM DỨT HIỆU LỰC VBBH(tt)

- Chủ GCN ĐK nhãn hiệu đối với nhãn hiệu tập thể **không kiểm soát** hoặc kiểm soát không có hiệu quả việc thực hiện quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể;
- Chủ GCN ĐK đối với nhãn hiệu chứng nhận **vi phạm quy chế sử dụng** nhãn hiệu chứng nhận hoặc không kiểm soát, kiểm soát không có hiệu quả việc thực hiện quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận;
- **Các điều kiện địa lý** tạo nên danh tiếng, chất lượng, đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý **bị thay đổi** làm mất danh tiếng, chất lượng, đặc tính của sản phẩm đó.

HỦY BỎ HIỆU LỰC VB BẢO HỘ

- **VBBH bị hủy bỏ toàn bộ hiệu lực khi :**
 - a) Người nộp đơn đăng ký không có quyền đăng ký và không được chuyển nhượng quyền đăng ký đối với sáng chế, KDCN, thiết kế bố trí, nhãn hiệu;
 - b) Đối tượng sở hữu công nghiệp không đáp ứng các điều kiện bảo hộ tại thời điểm cấp văn bằng bảo hộ.
- **Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ một phần hiệu lực trong trường hợp phần đó không đáp ứng điều kiện bảo hộ.**

T.GIẢ VÀ QUYỀN T.GIẢ (SC, KDCN, TKBT)

- Tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là người trực tiếp sáng tạo ra đối tượng SHCN; trong trường hợp có hai người trở lên cùng nhau trực tiếp sáng tạo ra đối tượng SHCN thì họ là đồng tác giả.
- **Quyền nhân thân** của tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí gồm các quyền sau đây:
 - a) Được ghi tên là tác giả trong Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn;
 - b) Được nêu tên là tác giả trong các tài liệu công bố, giới thiệu về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí.
- **Quyền tài sản** của tác giả sáng chế, KDCN, TKBT là quyền nhận thù lao (Đ.135-L.SHTT) mức: 10% và 15%).

QUYỀN CỦA CHỦ SH ĐỐI TƯỢNG SHCN

- **Các quyền tài sản:**

- a) Sử dụng, cho phép người khác sử dụng đối tượng SHCN(Đ.124);
- b) Ngăn cấm người khác sử dụng đối tượng SHCN (Đ.125);
- c) Định đoạt đối tượng SHCN.

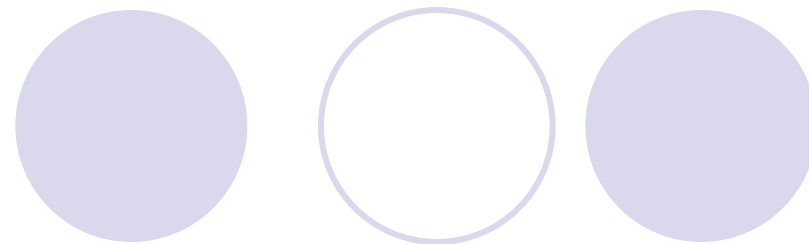
- **Tổ chức, cá nhân được Nhà nước trao quyền sử dụng, quyền quản lý chỉ dẫn địa lý có các quyền sau đây:**

- a) Tổ chức được trao quyền quản lý chỉ dẫn địa lý có quyền cho phép người khác sử dụng chỉ dẫn địa lý đó theo quy định
- b) Tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng hoặc tổ chức được trao quyền quản lý chỉ dẫn địa lý có quyền ngăn cấm người khác sử dụng chỉ dẫn địa lý.

QUYỀN CẤM NGƯỜI KHÁC SỬ DỤNG...

- Chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp và tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng hoặc quyền quản lý chỉ dẫn địa lý có quyền ngăn cấm người khác sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp nếu việc sử dụng đó không thuộc các trường hợp sau:
 - Sử dụng nhằm phục vụ nhu cầu cá nhân hoặc mục đích phi thương mại;
 - Sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp do người có quyền sử dụng trước (Điều 134 L. SHTT);
 - Sử dụng sáng chế do người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện (Đ. 145 và 146).

HÀNH VI XÂM PHẠM...



- Các hành vi sau đây bị coi là xâm phạm quyền của chủ sở hữu sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí:
 - Sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ, thiết kế bố trí được bảo hộ trong thời hạn hiệu lực của văn bằng bảo hộ mà không được phép của chủ sở hữu;
 - Sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mà không trả tiền đền bù theo quy định về quyền tạm thời (Điều 131).

HÀNH VI XÂM PHẠM BÍ MẬT KD...

- a) Tiếp cận, thu thập thông tin thuộc bí mật kinh doanh bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của người kiểm soát hợp pháp bí mật kinh doanh đó;
- b) Bộc lộ, sử dụng thông tin thuộc bí mật kinh doanh mà không được phép của chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó;
- c) Vi phạm hợp đồng bảo mật hoặc lừa gạt, xui khiến, mua chuộc, ép buộc, dụ dỗ, lợi dụng lòng tin của người có nghĩa vụ bảo mật nhằm tiếp cận, thu thập hoặc làm bộc lộ bí mật kinh doanh;

HÀNH VI XÂM PHẠM BÍ MẬT KD(tt)

- d) Tiếp cận, thu thập thông tin thuộc bí mật kinh doanh của người nộp đơn theo thủ tục xin cấp phép kinh doanh hoặc lưu hành sản phẩm bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của cơ quan có thẩm quyền;
- đ) Sử dụng, bộc lộ bí mật kinh doanh dù đã biết hoặc có nghĩa vụ phải biết bí mật kinh doanh đó do người khác thu được (có liên quan đến một trong các hành vi quy định tại các điểm a, b, c và d);
- e) Không thực hiện nghĩa vụ bảo mật quy định (Đ. 128).

HÀNH VI XÂM PHẠM..NHÃN HIỆU

- Các hành vi sau đây không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu thì bị coi là xâm phạm :
- a) Sử dụng dấu hiệu trùng với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hoá, dịch vụ trùng với hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu đó;
- b) Sử dụng dấu hiệu trùng với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hoá, dịch vụ tương tự hoặc liên quan tới hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu đó, nếu việc sử dụng có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ;

HÀNH VI XÂM PHẠM..NHÃN HIỆU(tt)

- c) Sử dụng dấu hiệu trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu nổi tiếng hoặc dấu hiệu dưới dạng dịch nghĩa, phiên âm từ nhãn hiệu nổi tiếng cho hàng hoá, dịch vụ bất kỳ, kể cả hàng hoá, dịch vụ không trùng, không tương tự và không liên quan tới hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu nổi tiếng, nếu việc sử dụng có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hoá hoặc gây ấn tượng sai lệch về mối quan hệ giữa người sử dụng dấu hiệu đó với chủ sở hữu nhãn hiệu nổi tiếng.

HÀNH VI XÂM PHẠM...NHÃN HIỆU(tt)

- Mọi hành vi sử dụng chỉ dẫn thương mại trùng hoặc tương tự với tên thương mại của người khác đã được sử dụng trước cho cùng loại sản phẩm, dịch vụ hoặc cho sản phẩm, dịch vụ tương tự, gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, cơ sở kinh doanh, hoạt động kinh doanh dưới tên thương mại đó đều bị coi là xâm phạm quyền đối với tên thương mại.

HÀNH VI XÂM PHẠM CHỈ DẪN ĐỊA LÝ...

- a) Sử dụng chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho sản phẩm mặc dù có nguồn gốc xuất xứ từ khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý, nhưng không đáp ứng các tiêu chuẩn về tính chất, chất lượng đặc thù ...
- b) Sử dụng chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho sản phẩm tương tự nhằm mục đích lợi dụng danh tiếng, uy tín của chỉ dẫn địa lý;
- c) Sử dụng dấu hiệu trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ làm cho người tiêu dùng hiểu sai rằng sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực địa lý đó;
- d) Sử dụng chỉ dẫn địa lý được bảo hộ đối với rượu vang, rượu mạnh cho rượu vang, rượu mạnh không có nguồn gốc xuất xứ từ khu vực địa lý tương ứng, kể cả trường hợp có nêu chỉ dẫn về nguồn gốc xuất xứ thật của hàng hoá hoặc chỉ dẫn địa lý được sử dụng dưới dạng dịch nghĩa, phiên âm hoặc được sử dụng kèm theo các từ loại, kiểu, dạng, phỏng theo hoặc những từ tương tự như vậy.

KIỂM TRA HỌC PHẦN LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- **Hành vi sao chép tranh của các họa sĩ để bán cho khách du lịch có bị xem là vi phạm quyền tác giả của họa sĩ không? Tại sao?**
- **Một nhà xuất bản giúp người học Anh văn bằng cách biên tập lại các tác phẩm nổi tiếng, thuộc loại best-seller, thành những tập truyện với số lượng từ ít hơn và dễ đọc hơn tác phẩm gốc. Nhà xuất bản có vi phạm quyền sở hữu trí tuệ không? Tại sao?**
- **Một nhạc sĩ viết một bản nhạc và đặt tên tác phẩm là “ Bài không tên số 7”. Một người khác gợi ý nên đặt tên bản nhạc là “ Ru đời vào quên lãng” . Ý kiến này được nhạc sĩ đồng ý. Người đó có phải là đồng tác giả không?**
- **A, thấy căn nhà của B xây rất đẹp nên đã đến chụp ảnh về để xây lại căn nhà của mình. A định xin phép B nhưng lúc ấy B không có nhà nên A tự ý chụp ảnh. B yêu cầu A phải trả tiền bản quyền tác phẩm kiến trúc nhưng A không đồng ý vì cho rằng việc chụp ảnh là chuyện bình thường, không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của B. Theo anh, chị A có vi phạm quyền tác giả của B không?**
- **Quyền tác giả có phải là quyền của tác giả không? Tại sao?**

CÁC HVI BỊ COI LÀ C.TRANH KHÔNG L.MẠNH:

- a) Sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, nguồn gốc thương mại của hàng hoá, dịch vụ;
- b) Sử dụng chỉ dẫn thương mại gây nhầm lẫn về xuất xứ, cách sản xuất, tính năng, chất lượng, số lượng hoặc đặc điểm khác của hàng hoá, dịch vụ; về điều kiện cung cấp hàng hoá, dịch vụ;

CÁC HVI BỊ COI LÀ C.TRANH KHÔNG L.MẠNH(tt):

- c) Sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ tại một nước là thành viên của điều ước quốc tế có quy định cấm người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu sử dụng nhãn hiệu đó mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng là thành viên, nếu người sử dụng là người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu và việc sử dụng đó không được sự đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu và không có lý do chính đáng;

CÁC HVI BỊ COI LÀ C.TRANH KHÔNG L.MẠNH(tt):

- d) Đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác hoặc chỉ dẫn địa lý mà mình không có quyền sử dụng nhằm mục đích chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý tương ứng.

CÁC HVI BỊ COI LÀ C.TRANH KHÔNG L.MẠNH(tt):

- **Chỉ dẫn thương mại là các dấu hiệu, thông tin nhằm hướng dẫn thương mại hàng hoá, dịch vụ, bao gồm nhãn hiệu, tên thương mại, biểu tượng kinh doanh, khẩu hiệu kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng bao bì của hàng hoá, nhãn hàng hoá.**
- **Hành vi sử dụng chỉ dẫn thương mại bao gồm các hành vi gắn chỉ dẫn thương mại đó lên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch kinh doanh, phương tiện quảng cáo; bán, quảng cáo để bán, tàng trữ để bán, nhập khẩu hàng hoá có gắn chỉ dẫn thương mại đó.**

CÁC YẾU TỐ HẠN CHẾ QUYỀN SHCN

Theo quy định của Luật SHTT, quyền SHCN có thể bị hạn chế bởi các yếu tố sau đây:

- Quyền của người sử dụng trước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp;
- Các nghĩa vụ của chủ sở hữu, bao gồm:
 - a) Trả thù lao cho tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí;
 - b) Sử dụng sáng chế, nhãn hiệu.
- Chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

QUYỀN SỬ DỤNG SÁNG CHẾ NHÂN DANH NN

- Bộ, cơ quan ngang bộ có quyền nhân danh Nhà nước sử dụng hoặc cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng sáng chế thuộc lĩnh vực quản lý của mình nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng bệnh, chữa bệnh, dinh dưỡng cho nhân dân và đáp ứng các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội mà không cần sự đồng ý của chủ sở hữu sáng chế hoặc người được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo hợp đồng độc quyền (sau đây gọi là người nắm độc quyền sử dụng sáng chế) - quy định tại Điều 145 -146 Luật SHTT).
- Lưu ý: Việc sử dụng sáng chế này chỉ được giới hạn trong phạm vi và điều kiện chuyển giao quyền sử dụng quy định nêu trên, trừ trường hợp sáng chế được tạo ra bằng việc sử dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật, kinh phí từ ngân sách nhà nước.

QUYỀN SỬ DỤNG TRƯỚC ĐỐI VỚI SCHẾ, KDCN

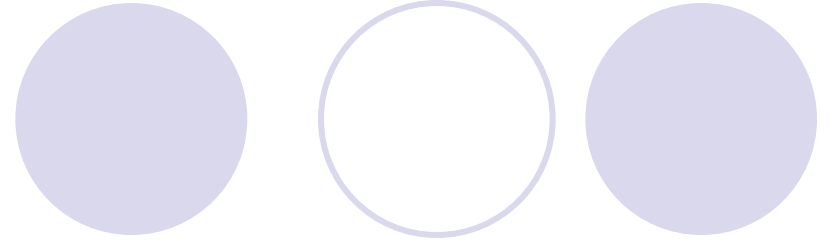
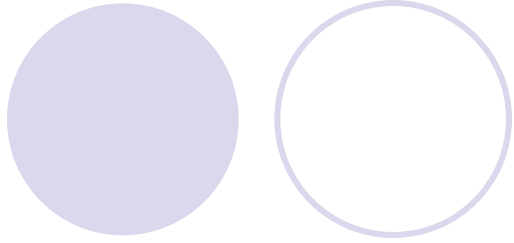
- Trường hợp trước ngày đơn đăng ký SC, KDCN được công bố mà có người, một cách độc lập, đã sử dụng hoặc chuẩn bị các điều kiện cần thiết để sử dụng SC, KDCN đồng nhất với SC, KDCN trong đơn đăng ký (sau đây gọi là người có quyền sử dụng trước) thì sau khi văn bằng bảo hộ được cấp, người đó **có quyền tiếp tục sử dụng đối tượng trong phạm vi và khối lượng đã sử dụng hoặc đã chuẩn bị để sử dụng mà không phải xin phép hoặc trả tiền đền bù cho chủ sở hữu SC, KDCN được bảo hộ. Việc thực hiện quyền của người sử dụng trước không bị coi là xâm phạm quyền của chủ sở hữu.**
- Người có quyền sử dụng trước SC, KDCN **không** được phép chuyển giao quyền đó cho người khác, trừ trường hợp chuyển giao kèm theo việc chuyển giao cơ sở sản xuất, kinh doanh (nơi sử dụng SC, KDCN). Người có quyền sử dụng trước không được mở rộng phạm vi, khối lượng sử dụng nếu không được chủ sở hữu SC, KDCN cho phép.

N.VỤ TRẢ THÙ LAO TÁC GIẢ SCHẾ, KDCN, TKBT

- Chủ sở hữu SC, KDCN, thiết kế bố trí có nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả theo quy định, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.
- Mức thù lao tối thiểu mà chủ sở hữu phải trả cho tác giả được quy định như sau:
 - a) 10% số tiền làm lợi mà chủ sở hữu thu được do sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí;
 - b) 15% tổng số tiền mà chủ sở hữu nhận được trong mỗi lần nhận tiền thanh toán do chuyển giao quyền sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí.
- Trong trường hợp sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí được nhiều tác giả tạo ra, mức thù lao quy định là mức dành cho tất cả các đồng tác giả; các đồng tác giả tự thoả thuận việc phân chia. Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả SC, KDCN, thiết kế bố trí tồn tại trong suốt thời hạn bảo hộ.

Nghĩa vụ sử dụng sáng chế, nhãn hiệu

- 1. Chủ sở hữu sáng chế có nghĩa vụ sản xuất sản phẩm được bảo hộ hoặc áp dụng quy trình được bảo hộ để đáp ứng nhu cầu quốc phòng, an ninh, phòng bệnh, chữa bệnh, dinh dưỡng cho nhân dân hoặc các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội. Khi có các nhu cầu quy định tại khoản này mà chủ sở hữu sáng chế **không** thực hiện nghĩa vụ đó thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể chuyển giao quyền sử dụng sáng chế cho người khác mà **không cần được phép của chủ sở hữu sáng chế** theo quy định tại Điều 145 và Điều 146 của Luật SHTT.
- 2. Chủ sở hữu nhãn hiệu có nghĩa vụ **sử dụng liên tục nhãn hiệu** đó. Trong trường hợp nhãn hiệu **không** được sử dụng liên tục **từ năm năm trở lên** thì quyền sở hữu nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Điều 95 của Luật SHTT.



● **CHƯƠNG 4:** **HỢP ĐỒNG LICENCE &** **CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

KHÁI NIỆM

- "Chuyển giao công nghệ" là hình thức mua và bán công nghệ trên cơ sở Hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được thoả thuận phù hợp với các quy định của pháp luật. Bên bán có nghĩa vụ **chuyển giao các kiến thức tổng hợp của công nghệ hoặc cung cấp các máy móc, thiết bị, dịch vụ, đào tạo...** kèm theo các **kiến thức công nghệ** cho bên mua và bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán để tiếp thu, sử dụng các kiến thức công nghệ đó theo các điều kiện đã thoả thuận và ghi nhận trong Hợp đồng chuyển giao công nghệ.

N GIAO:

- Nội dung công nghệ *thuộc hoặc gắn* với các đối tượng sở hữu công nghiệp được phép chuyển giao và đang trong thời hạn được pháp luật Việt Nam bảo hộ
- Các bí quyết về công nghệ, kiến thức dưới dạng phương án công nghệ, các giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, tài liệu thiết kế sơ bộ và thiết kế kỹ thuật, công thức, thông số kỹ thuật, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật, phần mềm máy tính (được chuyển giao theo Hợp đồng chuyển giao công nghệ), thông tin dữ liệu về công nghệ chuyển giao (sau đây gọi tắt là các thông tin kỹ thuật) có *kèm hoặc không kèm* theo máy móc, thiết bị.
- Các giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ.

N GIAO(tt):

- **Thực hiện các hình thức dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ để Bên nhận có được năng lực công nghệ:**
 - **Lựa chọn công nghệ, hướng dẫn lắp đặt thiết bị, vận hành thử các dây chuyền thiết bị nhằm áp dụng công nghệ được chuyển giao;**
 - **Tư vấn quản lý công nghệ, tư vấn quản lý kinh doanh, hướng dẫn thực hiện các quy trình công nghệ được chuyển giao;**
 - **Đào tạo, huấn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn và quản lý của công nhân, cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý để nắm vững và vận hành công nghệ được chuyển giao.**
- **Máy móc, thiết bị, phương tiện kỹ thuật kèm theo một hoặc một số nội dung nêu trên.**
- **Cấp phép đặc quyền kinh doanh, theo đó Bên nhận sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu hàng hoá và bí quyết của Bên giao để tiến hành hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ thương mại. Thời hạn Hợp đồng cấp phép đặc quyền kinh doanh do hai Bên thoả thuận theo quy định của pháp luật.**



VS, SK, MT;



VN;



i;



p.



n giao:

ATLĐ,

a

C HĐCGCN:

- Hợp đồng không thuộc diện quy định phải đăng ký thì thời điểm có hiệu lực của Hợp đồng do các Bên thoả thuận;
- Hợp đồng thuộc diện quy định phải đăng ký thì thời điểm có hiệu lực của Hợp đồng được tính từ ngày Hợp đồng được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận đăng ký;
- Nếu trong Hợp đồng có phần nội dung về chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp thì phần đó có hiệu lực theo quy định pháp luật về sở hữu công nghiệp.

- Thời hạn Hợp đồng do các Bên thoả thuận theo yêu cầu và nội dung công nghệ được chuyển giao, nhưng **không quá 07 năm**, kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
- Trường hợp các Bên thoả thuận thời hạn của Hợp đồng dài hơn 07 năm, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể cho phép thời hạn dài hơn đối với một trong các trường hợp sau đây nhưng **không quá 10 năm**:
 - a) Công nghệ thuộc loại tiên tiến của thế giới và Bên giao cam kết tiếp tục chuyển giao các cải tiến trong suốt thời hạn Hợp đồng;
 - b) Công nghệ được chuyển giao có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội;
 - c) Công nghệ được chuyển giao tạo ra sản phẩm hàng hóa thuộc thế hệ mới của thế giới.
- Thời hạn chuyển giao **quyền sở hữu, quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp** được thoả thuận theo quy định của pháp luật về sở hữu công nghiệp.

- **Phương thức và nguyên tắc giải quyết tranh chấp**
- **1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các tranh chấp giữa các Bên trước hết giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải.**
- **2. Trường hợp các Bên không thoả thuận giải quyết tranh chấp tại cơ quan Trọng tài, các tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.**
- **3. Chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam phải tuân theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia.**
- **4. Trường hợp tranh chấp có ít nhất một Bên tham gia là cá nhân, pháp nhân, tổ chức nước ngoài, thì tranh chấp được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa án mà các Bên đã thoả thuận trong Hợp đồng. Trường hợp các Bên không có thoả thuận hoặc thoả thuận bị vô hiệu thì tranh chấp được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam.**
- **5. Trường hợp có tranh chấp với Bên thứ ba về quyền sở hữu, quyền sử dụng công nghệ thì Bên giao công nghệ có trách nhiệm cùng với Bên nhận công nghệ dàn xếp để giải quyết tranh chấp, trong trường hợp việc chuyển giao công nghệ gây ra tranh chấp về quyền sở hữu công nghiệp với Bên thứ ba thì Bên giao công nghệ phải chịu trách nhiệm giải quyết tranh chấp đó.**

- **Hợp đồng chuyển giao công nghệ bị vô hiệu:**
 - a) Bên giao ký kết Hợp đồng không đủ điều kiện theo quy định;
 - b) Hợp đồng thuộc diện quy định phải đăng ký nhưng không được xác nhận đăng ký hoặc xác nhận đăng ký bị thu hồi theo quy định;
- **Hợp đồng bị coi là vô hiệu từng phần khi có một trong các nội dung vi phạm quy định của pháp luật, nhưng không ảnh hưởng đến nội dung các phần còn lại của Hợp đồng.**

CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SHCN

- Chuyển nhượng **quyền sở hữu** công nghiệp là việc chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp **chuyển giao quyền sở hữu** của mình cho tổ chức, cá nhân khác.
- Việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản (sau đây gọi là hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp).

Các điều kiện hạn chế việc chuyển nhượng QSHCN

- Chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp chỉ được chuyển nhượng quyền của mình trong phạm vi được bảo hộ.
- Quyền đối với chỉ dẫn địa lý không được chuyển nhượng.
- Quyền đối với tên thương mại chỉ được chuyển nhượng cùng với việc chuyển nhượng toàn bộ cơ sở kinh doanh và hoạt động kinh doanh dưới tên thương mại đó.
- Việc chuyển nhượng quyền đối với nhãn hiệu không được gây ra sự nhầm lẫn về đặc tính, nguồn gốc của hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu.
- Quyền đối với nhãn hiệu chỉ được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện đối với người có quyền đăng ký nhãn hiệu đó.

Nội dung hợp đồng chuyển nhượng QSHCN :

- **Tên và địa chỉ đầy đủ của bên chuyển nhượng và bên được chuyển nhượng;**
- **Căn cứ chuyển nhượng;**
- **Giá chuyển nhượng & phương thức thanh toán;**
- **Quyền và nghĩa vụ của bên chuyển nhượng và bên được chuyển nhượng;**
- **Điều kiện sửa đổi, đình chỉ, vô hiệu HĐ;**
- **Cách thức giải quyết tranh chấp.**

CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SHCN HỢP ĐỒNG LICENCE

- **Chuyển quyền sử dụng** đối tượng sở hữu công nghiệp là việc chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp thuộc phạm vi quyền sử dụng của mình.
- Việc chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản (sau đây gọi là hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp – HĐ licence).

HỢP ĐỒNG LICENCE

- HĐ licence là một dạng đặc thù của HĐ chuyển giao công nghệ;
- Đối tượng của HĐ licence là
ng các đối tượng SHCN : sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa.

Hạn chế việc chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN

- **Quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, tên thương mại không được chuyển giao.**
- **Quyền sử dụng nhãn hiệu tập thể không được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của chủ sở hữu nhãn hiệu tập thể đó.**
- **Bên được chuyển quyền không được ký kết hợp đồng thứ cấp với bên thứ ba, trừ trường hợp được bên chuyển quyền cho phép.**
- **Bên được chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu có nghĩa vụ ghi chỉ dẫn trên hàng hoá, bao bì hàng hoá về việc hàng hoá đó được sản xuất theo hợp đồng sử dụng nhãn hiệu.**
- **Bên được chuyển quyền sử dụng sáng chế theo hợp đồng độc quyền có nghĩa vụ sử dụng sáng chế như chủ sở hữu sáng chế theo quy định (k. 1 Đ. 136 : đáp ứng nhu cầu quốc phòng, an ninh, chữa bệnh; buộc chuyển nhượng)**

I HĐ LICENCE:

n:

n;

n;

bên giao licence:

u)

p

n giao:

n

n

Các dạng Hợp đồng sử dụng đối tượng SHCN(L.SHTT):

- 1. **Hợp đồng độc quyền** : trong phạm vi và thời hạn chuyển giao, bên được chuyển quyền được độc quyền sử dụng đối tượng, bên chuyển quyền không được ký kết hợp đồng sử dụng đối tượng với bất kỳ bên thứ ba nào và chỉ được sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đó nếu được phép của bên được chuyển quyền;
- 2. **Hợp đồng không độc quyền** : trong phạm vi và thời hạn chuyển giao quyền sử dụng, bên chuyển quyền vẫn có quyền sử dụng đối tượng, quyền ký kết hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp không độc quyền với người khác;
- 3. **Hợp đồng sử dụng đối tượng SHCN thứ cấp** : bên chuyển quyền là người được chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN đó theo một hợp đồng khác.

Nội dung chủ yếu HĐ sử dụng đối tượng SHCN:

- a) Tên và địa chỉ đầy đủ của các bên;
- b) Căn cứ chuyển giao quyền sử dụng;
- c) Dạng hợp đồng;
- d) Phạm vi chuyển giao, gồm giới hạn quyền sử dụng, giới hạn lãnh thổ;
- đ) Thời hạn hợp đồng;
- e) Giá chuyển giao quyền sử dụng;
- g) Quyền và nghĩa vụ của các bên;
- h) u HĐ;
- p.

LƯU Ý:

- Hợp đồng **không được** có các điều khoản hạn chế bất hợp lý quyền của bên được chuyển quyền, đặc biệt là các điều khoản không xuất phát từ quyền của bên chuyển quyền sau đây:
- a) Cấm bên được chuyển quyền cải tiến đối tượng SHCN, trừ nhãn hiệu; buộc bên được chuyển quyền phải chuyển giao miễn phí cho bên chuyển quyền các cải tiến đối tượng sở hữu công nghiệp hoặc quyền đăng ký sở hữu công nghiệp, quyền sở hữu công nghiệp đối với các cải tiến đó;
- b) Trực tiếp hoặc gián tiếp hạn chế bên được chuyển quyền xuất khẩu hàng hoá, dịch vụ được sản xuất hoặc cung cấp theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp sang các vùng lãnh thổ **không phải** là nơi mà bên chuyển quyền nắm giữ quyền sở hữu công nghiệp tương ứng hoặc có độc quyền nhập khẩu hàng hoá đó;

LƯU Ý:

- c) Buộc bên được chuyển quyền phải mua toàn bộ hoặc một tỷ lệ nhất định các nguyên liệu, linh kiện hoặc thiết bị của bên chuyển quyền hoặc của bên thứ ba do bên chuyển quyền chỉ định mà không nhằm mục đích bảo đảm chất lượng hàng hoá, dịch vụ do bên được chuyển quyền sản xuất hoặc cung cấp;
- d) Cấm bên được chuyển quyền khiếu kiện về hiệu lực của quyền sở hữu công nghiệp hoặc quyền chuyển giao của bên chuyển quyền.
- Các điều khoản trong HĐ thuộc các trường hợp này mặc nhiên bị vô hiệu.

BẮT BUỘC CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ

- ***Căn cứ bắt buộc chuyển giao*** : Trong các trường hợp sau đây, quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không cần được sự đồng ý của người nắm độc quyền sử dụng sáng chế:
- **a)** Việc sử dụng sáng chế nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng bệnh, chữa bệnh, dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội;

BẮT BUỘC CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ(tt)

- b) Người nắm độc quyền sử dụng sáng chế không thực hiện nghĩa vụ sử dụng sáng chế quy định (tại k.1 Đ. 136 và k. 5 Đ.142 về nghĩa vụ đáp ứng yêu cầu quốc phòng, an ninh;..) sau khi **kết thúc 4 năm** kể từ ngày nộp đơn đăng ký sáng chế và **kết thúc 3 năm** kể từ ngày cấp Bằng độc quyền SC;
- c) Người có nhu cầu sử dụng sáng chế không đạt được thoả thuận với người nắm độc quyền sử dụng sáng chế về việc ký kết hợp đồng sử dụng sáng chế mặc dù trong một thời gian hợp lý đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thoả đáng;
- d) Người nắm độc quyền sử dụng sáng chế bị coi là thực hiện **hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm(?)** theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

LƯU Ý:

- **Người nắm độc quyền sử dụng sáng chế có quyền yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng khi căn cứ chuyển giao quy định không còn tồn tại và không có khả năng tái xuất hiện với điều kiện việc chấm dứt quyền sử dụng đó không gây thiệt hại cho người được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế.**

BẮT BUỘC CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ(tt)

- Quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải phù hợp với các **điều kiện** sau đây:
- a) Quyền sử dụng được chuyển giao thuộc dạng **HĐ không độc quyền** ;
- b) Quyền sử dụng được chuyển giao chỉ được giới hạn trong phạm vi và thời hạn đủ để đáp ứng mục tiêu chuyển giao và chủ yếu để cung cấp cho thị trường trong nước. Đối với sáng chế trong lĩnh vực **công nghệ bán dẫn** thì việc chuyển giao quyền sử dụng chỉ nhằm mục đích công cộng, phi thương mại hoặc nhằm xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh(???)

BẮT BUỘC CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ(tt)

- c) Người được chuyển giao quyền sử dụng không được chuyển nhượng quyền đó cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng cùng với cơ sở kinh doanh của mình và không được chuyển giao quyền sử dụng thứ cấp cho người khác;
- d) Người được chuyển giao quyền sử dụng phải trả cho người nắm độc quyền sử dụng sáng chế một khoản tiền đền bù thoả đáng tùy thuộc vào giá trị kinh tế của quyền sử dụng đó trong từng trường hợp cụ thể phù hợp với khung giá đền bù do Chính phủ quy định.

LƯU Ý:

- Trong trường hợp chứng minh được sáng chế phụ thuộc tạo ra một bước tiến quan trọng về kỹ thuật so với sáng chế cơ bản và có ý nghĩa kinh tế lớn, chủ sở hữu sáng chế phụ thuộc có quyền yêu cầu chủ sở hữu sáng chế cơ bản chuyển giao quyền sử dụng sáng chế cơ bản với giá cả và điều kiện thương mại hợp lý.
- Trong trường hợp chủ sở hữu sáng chế cơ bản không đáp ứng yêu cầu của chủ sở hữu sáng chế phụ thuộc mà không có lý do chính đáng thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể chuyển giao quyền sử dụng sáng chế đó cho chủ sở hữu sáng chế phụ thuộc mà không cần được phép của chủ sở hữu sáng chế cơ bản (theo quy định tại Điều 145 và Điều 146 Luật SHTT).

Thẩm quyền và thủ tục chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc

- 1. Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế trên cơ sở xem xét yêu cầu được chuyển giao quyền sử dụng đối với trường hợp quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 145 của Luật SHTT.
- Bộ, cơ quan ngang bộ ban hành quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình khi xảy ra trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 145 của Luật SHTT trên cơ sở tham khảo ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- 2. Quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế phải ấn định phạm vi và các điều kiện sử dụng phù hợp với quy định tại Điều 146 của Luật SHTT.
- 3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế phải thông báo ngay cho người nắm độc quyền sử dụng sáng chế về quyết định đó.
- 4. Quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế hoặc từ chối chuyển giao quyền sử dụng sáng chế có thể bị khiếu nại, bị khởi kiện theo quy định của pháp luật.
- 5. Chính phủ quy định cụ thể thủ tục chuyển giao quyền sử dụng đối với sáng chế.

MỘT SỐ TÌNH HUỐNG

- Một GV trao bài giảng của mình cho SV photocopy để sử dụng. SV này có vi phạm quyền tác giả của GV không?
- Nếu SV này bán lại bản photocopy cho người khác, SV này có vi phạm quyền tác giả không?
- Nếu SV muốn trích dẫn một đoạn trong bài giảng của GV để in trong đề tài NCKH sắp công bố, SV đó phải làm gì?



P:

**Hãy soạn thảo một HĐ licence mua bán quyền sử dụng một sáng chế giữa một công ty Việt Nam và một công ty nước ngoài;
Hãy tư vấn cho GĐ công ty bên mua về thủ tục đăng ký HĐ**



CHƯƠNG 6

TRIPs/WTO VÀ VẤN ĐỀ BẢO HỘ SHTT TRONG QUAN HỆ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Các điều ước quốc tế liên quan đến quyền SHTT do Việt Nam ký kết hoặc tham gia

- ***Công ước Paris về bảo hộ SHCN– 1949***
- **Thoả ước Madrid về Đăng ký quốc tế nhãn hiệu - 1949;**
- **Công ước thành lập WIPO - 1976;**
- **Hiệp ước Hợp tác bằng sáng chế PCT - 3/1993;**
- ***Công ước Berne - 26/10/2004,***
- **Công ước Geneva - 6/7/2005,**
- **Công ước Brussels - 12/1/2006**
- **Nghị định thư liên quan đến Thoả ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu - 11/7/2006.**
- **Ký kết các hiệp định song phương về bảo hộ SHTT với Hoa Kỳ , Thụy Sĩ.**
- **Cộng ước Rome và Công ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (UPOV) - 11/2006.**
- ***TRIPS(Trade-related intellectual property rights)***

Công ước Paris về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ:

- **Hoàn thành tại Paris năm 1883 - qua nhiều lần sửa đổi trong đó hai lần sửa đổi cuối tại Stockholm 1967 và năm 1979 : có thể gọi là Công ước Paris 1883 hoặc Công ước Paris 1967 hay Công ước Paris 1979.**
- **Công ước áp dụng với SHTT theo nghĩa rộng nhất, bao gồm sáng chế, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, các giải pháp hữu ích, tên thương mại, xuất xứ hàng hoá và việc hạn chế cạnh tranh không lành mạnh.**

Nội dung Công ước :

- ***Đối xử quốc gia:*** mỗi quốc gia thành viên phải cung cấp một sự bảo vệ như nhau giữa công dân của nước sở tại và công dân của quốc gia thành viên Công ước. Công dân của quốc gia không phải là thành viên Công ước có quyền hưởng sự đối xử quốc gia theo quy định của Công ước nếu họ sinh sống hoặc có hoạt động thương mại, công nghiệp thực tế và hiệu quả tại quốc gia thành viên Công ước.

Nội dung Công ước :

- **“Quyền ưu tiên”**: trên cơ sở đơn yêu cầu thông thường đầu tiên được gửi đến quốc gia thành viên Công ước, người yêu cầu có thể yêu cầu bảo vệ tại bất cứ quốc gia thành viên Công ước nào (12 tháng đối với sáng chế và giải pháp hữu ích; 6 tháng đối với kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu); những đơn yêu cầu muộn hơn sẽ được xem như được gửi cùng ngày với đơn yêu cầu đầu tiên. Tức là những đơn yêu cầu muộn hơn này sẽ được ưu tiên (như vậy gọi là “quyền ưu tiên”) so với các đơn yêu cầu khác về cùng một sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp do những người khác gửi đến trong thời hạn nói trên. Một người không cần phải gửi đơn yêu cầu cùng một lúc đến nhiều nước mà có 6 tháng hoặc 12 tháng tùy thuộc vào ý muốn của mình để quyết định những nước mà người đó muốn có sự bảo vệ và chuẩn bị cẩn thận những bước cần thiết phải tiến hành để đảm bảo cho yêu cầu bảo vệ.

Công ước Berne:

- **Tên gọi đầy đủ: Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật, được ký kết tại Berne (Thụy Sĩ) năm 1886. Công ước đã được sửa đổi nhiều lần:**
 - - **Sửa đổi năm 1896 tại Paris;**
 - - **Sửa đổi năm 1908 tại Berlin;**
 - - **Sửa đổi tại Berne năm 1914;**
 - - **Sửa đổi tại Rome năm 1928;**
 - - **Sửa đổi tại Brussels năm 1948;**
 - - **Sửa đổi tại Stockholm năm 1967;**
 - - **Sửa đổi tại Paris năm 1971.**
- **Đạo luật hiện hành là đạo luật thông qua tại Paris ngày 24/7/1971 và được bổ sung ngày 02/10/1979.**
- **Hiện nay trên thế giới có 156 quốc gia tham gia công ước. (Việt Nam là thành viên thứ 156).**

Đối tượng bảo hộ thuộc phạm vi công ước:

- **Tất cả các sản phẩm trong lĩnh vực văn học, khoa học và nghệ thuật bất kỳ, được biểu hiện theo phương thức hay dưới hình thức nào; từ các tập in nhỏ, sách, bài giảng, bài phát biểu; các tác phẩm kịch, các bản nhạc, tác phẩm điện ảnh, đồ họa, hội họa, kiến trúc, điêu khắc, nhiếp ảnh, các tác phẩm nghệ thuật ứng dụng, các đồ án, phác họa, các tác phẩm tạo hình liên quan đến địa lý, địa hình, kiến trúc hay khoa học,...Nói ngắn gọn, đối tượng bảo hộ của công ước là mọi tác phẩm thuộc lĩnh vực VH, NT và KH được định hình dưới một dạng vật chất nhất định không phân biệt hình thức và cách thức thể hiện.**

Ba nguyên tắc căn bản của Berne:

- - *Nguyên tắc đối xử quốc gia:* bảo hộ tác phẩm có nguồn gốc từ quốc gia thành viên của công ước tương tự như sự bảo hộ tác phẩm của công dân chính quốc gia mình.
- - *Nguyên tắc bảo hộ đương nhiên* hay còn gọi là bảo hộ tự động: Quyền tác giả phát sinh ngay khi tác phẩm được định hình dưới một hình thức vật chất nhất định không lệ thuộc vào bất kỳ thủ tục hình thức nào như đăng ký, nộp lưu chiểu hoặc các thủ tục tương tự.
- - *Nguyên tắc bảo hộ độc lập:* Việc hưởng các quyền theo công ước là độc lập với những gì được hưởng tại nước xuất xứ tác phẩm. Tuy nhiên, nếu một nước thành viên có quy định thời hạn bảo hộ dài hơn quy định tối thiểu nêu trong công ước và tác phẩm đã chấm dứt bảo hộ tại nước xuất xứ, sự bảo hộ có thể bị từ chối (tại nước có thời hạn bảo hộ dài hơn này) khi sự bảo hộ tại nước xuất xứ đã kết thúc.

NGUYÊN NHÂN RA ĐỜI TRIPS:

- Sự chuyển biến sâu rộng kết cấu giá trị của sản phẩm và dịch vụ truyền thống theo hướng ngày càng tăng hàm lượng trí tuệ. Các yếu tố như sáng chế, giải pháp kỹ thuật đóng vai trò quan trọng trong quá trình này, quyết định đến tính cạnh tranh của sản phẩm.
- Hiện tượng đánh cắp tài sản trí tuệ diễn ra ngày càng phổ biến trên thế giới(hàng giả, hàng nhái tràn lan); làm nản lòng các nhà đầu tư.
- Các quốc gia phát triển dành chi phí cho các chương trình R&D rất lớn do vậy thu được nhiều sản phẩm trí tuệ và cần có nhu cầu bảo vệ chúng; trong khi đó các nước đang phát triển lại có xu hướng ít quan tâm đến sở hữu trí tuệ, tạo khả năng tiếp cận công nghệ mới thuận lợi hơn.

NGUYÊN NHÂN RA ĐỜI TRIPS:

- TRIPS ra đời nhằm “*góp phần thúc đẩy việc cải tiến, chuyển giao và phổ biến công nghệ, mang lại lợi ích cho cả người sáng tạo và người sử dụng công nghệ cũng như lợi ích kinh tế - xã hội nói chung và đảm bảo sự cân bằng giữa quyền và nghĩa vụ*” (điều 7 – Hiệp định TRIPS)
- **Trước TRIPs: hàng giả gây thiệt hại 450 tỷUSD/ năm. Sau TRIPs: 60 triệuUSD/năm**

NỘI DUNG CỦA TRIPS:

- **Phần I:** *Các điều khoản chung và các nguyên tắc cơ bản*
- **Phần II:** *Các tiêu chuẩn liên quan đến khả năng đạt được, phạm vi và việc sử dụng các quyền SHTT:*
 - Bản quyền và các quyền liên quan
 - Nhãn hiệu hàng hóa
 - Chỉ dẫn địa lý
 - Kiểu dáng công nghiệp
 - Sáng chế
 - Thiết kế vi mạch
 - Thông tin bí mật
 - Quản lý các quy định về chống cạnh tranh trong HD Licence
- **Phần III:** *Thực thi Quyền SHTT*
 - Các nghĩa vụ chung
 - Các thủ tục và biện pháp chế tài dân sự & hành chính
 - Các biện pháp tạm thời
 - Các yêu cầu đặc biệt liên quan đến các biện pháp kiểm soát biên giới
 - Các thủ tục hình sự
- **Phần IV:** *Các thủ tục để đạt được và duy trì các quyền SHTT và thủ tục liên quan theo yêu cầu của các bên liên quan*
- **Phần V:** *Ngăn ngừa và giải quyết tranh chấp*
- **Phần VI:** *Thỏa thuận quá độ*
- **Phần VII:** *Các thỏa thuận về thể chế, điều khoản cuối cùng.*

CÁC NGUYÊN TẮC CỦA TRIPS

- ***Đãi ngộ Tối huệ quốc:*** Đối với việc bảo hộ SHTT, bất kì một sự ưu tiên, chiếu cố, đặc quyền, hoặc sự miễn trừ nào được một Thành viên dành cho công dân của bất kì một thành viên nào khác cũng phải được lập tức và vô điều kiện dành cho công dân tất cả các thành viên khác.
- ***Đãi ngộ quốc gia:*** Mỗi Thành viên phải dành cho công dân của các thành viên khác sự đối xử không kém thuận lợi hơn so với sự đối xử mà Thành viên đó dành cho công dân của mình trong việc bảo hộ quyền SHTT.
- Tuy nhiên, các nguyên tắc này cũng còn những ngoại lệ, theo đó, các Thành viên có thể dựa vào để miễn trừ nghĩa vụ tuân thủ hiệp định TRIPs. Các trường hợp ngoại lệ được quy định cụ thể trong Công ước Paris (về bảo hộ sở hữu công nghiệp); Công ước Berne (về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật); Công ước Rome (về bảo vệ người biểu diễn, người xuất bản, ghi âm và các tổ chức phát thanh truyền hình)...

MỘT SỐ NGOẠI LỆ

- ***Công ước Paris:*** Luật quốc gia liên quan đến thủ tục hành chính & tổ tụng được bảo lưu. Chẳng hạn: Yêu cầu người nước ngoài phải ký quỹ hoặc bảo lãnh cho các chi phí trong tranh chấp(SHCN); hoặc yêu cầu người nước ngoài phải lựa chọn một dịch vụ hoặc chỉ định một đại diện tại quốc gia mà họ yêu cầu bảo hộ.
- ***Công ước Berne:*** Đối với tác phẩm điện ảnh thời hạn 50 năm tính từ khi tác phẩm được truyền tải đến công chúng(Berne: bảo hộ toàn bộ cuộc đời tác giả + 50 năm sau khi tác giả chết).
- ***Công ước Rome:*** ngoại lệ đối với sử dụng cá nhân, trích dẫn ngắn nhằm ghi lại sự kiện thời sự,..

PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA TRIPS

- Theo TRIPs, các Thành viên có thể, nhưng không bị bắt buộc, áp dụng trong luật **mức bảo hộ cao hơn so với các yêu cầu của Hiệp định**, nghĩa là việc bảo hộ ở mức cao hơn, không trái với các điều khoản của Hiệp định.
- Các đối tượng sở hữu trí tuệ thuộc sự điều chỉnh của Hiệp định này bao gồm: **bản quyền và các quyền có liên quan; nhãn hiệu hàng hóa; chỉ dẫn địa lý; kiểu dáng công nghiệp; sáng chế và giống cây trồng; thiết kế bố trí mạch tích hợp; các thông tin bí mật.**

BẢO HỘ ĐỐI TƯỢNG SHTT(VN)

Đối tượng	Các quyền của chủ sở hữu	Thời hạn BH
Quyền tác giả	Làm tác phẩm phái sinh, biểu diễn, sao chép, phân phối, cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính,...(ngoài ra còn có các quyền liên quan của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát thanh, truyền hình,..	50 năm (đối với tổ chức phát thanh, truyền hình: 20 năm)
Nhãn hiệu hàng hoá	Độc quyền sử dụng, cấm người khác sử dụng không phép	10 năm, có thể gia hạn nhiều lần (TRIPS: 07 năm)

BẢO HỘ ĐỐI TƯỢNG SHTT(VN)

Đối tượng	Các quyền của chủ sở hữu	Thời hạn BH
Chỉ dẫn địa lý	Ngăn chặn các chỉ dẫn lừa dối công chúng	Vô thời hạn
Kiểu dáng công nghiệp	Độc quyền sản xuất, bán, nhập khẩu	Tối thiểu tổng cộng là 15 năm(có thể chia thành các kỳ hạn- 5 năm) TRIPS: 10 năm...

BẢO HỘ ĐỐI TƯỢNG SHTT(VN)

Đối tượng	Các quyền của chủ sở hữu	Thời hạn BH
Sáng chế	Độc quyền sử dụng, ngăn cấm người khác sử dụng không phép, chuyển nhượng, thừa kế (có một số ngoại lệ trong chuyển nhượng-licence cưỡng chế)	Ít nhất 20 năm tính từ ngày nộp đơn. GPHI – 10 năm
Thiết kế bố trí	Sao chép, nhập khẩu, phân phối	10 năm

ĐỐI XỬ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN(đ. 65-67 TRIPS)

- Hiệp định TRIPs cho phép các Thành viên có một khoảng thời gian chuyển đổi thích hợp để đảm bảo việc thực thi đầy đủ các nghĩa vụ. Các nước phát triển được phép trì hoãn thực hiện Hiệp định trong vòng **một năm** kể từ ngày hiệp định có hiệu lực(tức đến 01/01/1996). Thời hạn này đối với các nước đang phát triển là **năm năm (01/01/2000)** và các nước kém phát triển là **mười một năm(01/01/2006)**.
- **Về hỗ trợ kỹ thuật**, các Thành viên là nước phát triển phải dành cho các nước đang và kém phát triển khác sự hợp tác về tài chính và kỹ thuật để tạo thuận lợi cho việc thi hành Hiệp định TRIPs. Các nước phát triển phải báo cáo hàng năm về nghĩa vụ này cho Hội đồng TRIPs.

CHƯƠNG 7: XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC SHTT VÀ VẤN ĐỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG SHTT

Biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT:

- *Dân sự,*
- *Hành chính,*
- *Hình sự.*
- Trong trường hợp cần thiết, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể áp dụng **biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ, biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính** theo quy định.

- **Biện pháp dân sự** được áp dụng để xử lý hành vi xâm phạm theo yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc của tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra, kể cả khi hành vi đó đã hoặc đang bị xử lý bằng biện pháp hành chính hoặc biện pháp hình sự.
- Thủ tục yêu cầu áp dụng biện pháp dân sự, thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp dân sự tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- **Biện pháp hành chính** được áp dụng để xử lý hành vi xâm phạm thuộc một trong các trường hợp quy định (Điều 211 Luật SHTT), theo yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra, tổ chức, cá nhân phát hiện hành vi xâm phạm hoặc do cơ quan có thẩm quyền chủ động phát hiện.
- Hình thức, mức phạt, thẩm quyền, thủ tục xử phạt hành vi xâm phạm và các biện pháp khắc phục hậu quả tuân theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và NĐ 106CP/NĐ về xử phạt vi phạm hành chính trong SHCN.

- **Biện pháp hình sự** được áp dụng để xử lý hành vi xâm phạm trong trường hợp hành vi đó có yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự.
- Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp hình sự tuân theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự.

Thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

- 1. Toà án, Thanh tra, Quản lý thị trường, Hải quan, Công an, Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.
- 2. Việc áp dụng biện pháp *dân sự, hình sự thuộc thẩm quyền của Toà án*. Trong trường hợp cần thiết, Tòa án có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật.
- 3. Việc áp dụng biện pháp *hành chính thuộc thẩm quyền của các cơ quan Thanh tra, Công an, Quản lý thị trường, Hải quan, Ủy ban nhân dân các cấp*. Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan này có thể áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.
- 4. Việc áp dụng biện pháp *kiểm soát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ thuộc thẩm quyền của cơ quan hải quan*.

XỬ LÝ XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ BẰNG *BIỆN PHÁP DÂN SỰ*

- Biện pháp dân sự được áp dụng để xử lý hành vi xâm phạm theo yêu cầu của chủ thể quyền SHTT bị thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra, *kể cả khi hành vi đó đã hoặc đang bị xử lý bằng biện pháp hành chính hoặc biện pháp hình sự.*
- Thủ tục: theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

BIỆN PHÁP DÂN SỰ(tt)

- 1. Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm;
- 2. Buộc xin lỗi, cải chính công khai;
- 3. Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự;
- 4. Buộc bồi thường thiệt hại;
- 5. Buộc tiêu huỷ hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ.

Căn cứ xác định **tính chất và mức độ** xâm phạm

- **1. Tính chất xâm phạm được xác định dựa trên các căn cứ sau đây:**
 - a) Hoàn cảnh, động cơ xâm phạm: xâm phạm do vô ý, xâm phạm cố ý, xâm phạm do bị khống chế hoặc bị lệ thuộc, xâm phạm lần đầu, tái phạm;
 - b) Cách thức thực hiện hành vi xâm phạm: xâm phạm riêng lẻ, xâm phạm có tổ chức, tự thực hiện hành vi xâm phạm, mua chuộc, lừa dối, cưỡng ép người khác thực hiện hành vi xâm phạm.
- **2. Mức độ xâm phạm được xác định dựa trên các căn cứ sau đây:**
 - a) Phạm vi lãnh thổ, thời gian, khối lượng, quy mô thực hiện hành vi xâm phạm;
 - b) Ảnh hưởng, hậu quả của hành vi xâm phạm.

Nguyên tắc xác định thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT

- 1. Thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền SHTT bao gồm:
 - a) **Thiệt hại về vật chất** bao gồm các tổn thất về tài sản, mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất về cơ hội kinh doanh, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại;
 - b) **Thiệt hại về tinh thần** bao gồm các tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín, danh tiếng và những tổn thất khác về tinh thần gây ra cho tác giả của tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; người biểu diễn; tác giả của sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng.
- 2. Mức độ thiệt hại được xác định trên cơ sở các tổn thất thực tế mà chủ thể quyền sở hữu trí tuệ phải chịu do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây ra.

Nguyên tắc xác định thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT(tt)

- Được coi là có tổn thất thực tế nếu có đủ các căn cứ sau đây:
- a) Lợi ích vật chất hoặc tinh thần là có thực và thuộc về người bị thiệt hại;
- b) Người bị thiệt hại có khả năng đạt được lợi ích quy định tại điểm a khoản này;
- c) Có sự giảm sút hoặc mất lợi ích của người bị thiệt hại sau khi hành vi xâm phạm xảy ra so với khả năng đạt được lợi ích đó khi không có hành vi xâm phạm và hành vi xâm phạm là nguyên nhân trực tiếp gây ra sự giảm sút, mất lợi ích đó.
- Mức độ thiệt hại được xác định phù hợp với yếu tố xâm phạm quyền đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ.
- Việc xác định mức độ thiệt hại dựa trên chứng cứ về thiệt hại do các bên cung cấp, kể cả kết quả trưng cầu giám định và bản kê khai thiệt hại, trong đó làm rõ các căn cứ để xác định và tính toán mức thiệt hại.

Tổn thất về tài sản

- 1. Tổn thất về tài sản được xác định theo mức độ giảm sút hoặc bị mất về giá trị tính được thành tiền của đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được bảo hộ.
- 2. Giá trị tính được thành tiền của đối tượng quyền sở hữu trí tuệ quy định tại khoản 1 Điều này được xác định theo một hoặc các căn cứ sau đây:
 - a) Giá chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc giá chuyển giao quyền sử dụng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ;
 - b) Giá trị góp vốn kinh doanh bằng quyền sở hữu trí tuệ;
 - c) Giá trị quyền sở hữu trí tuệ trong tổng số tài sản của doanh nghiệp;
 - d) Giá trị đầu tư cho việc tạo ra và phát triển đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm các chi phí tiếp thị, nghiên cứu, quảng cáo, lao động, thuế và các chi phí khác.

Giảm sút về thu nhập, lợi nhuận

- 1. Thu nhập, lợi nhuận bao gồm:
 - a) Thu nhập, lợi nhuận thu được do sử dụng, khai thác trực tiếp đối tượng quyền sở hữu trí tuệ;
 - b) Thu nhập, lợi nhuận thu được do cho thuê đối tượng quyền sở hữu trí tuệ;
 - c) Thu nhập, lợi nhuận thu được do chuyển giao quyền sử dụng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ.
- 2. Mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận được xác định theo một hoặc các căn cứ sau đây:
 - a) So sánh trực tiếp mức thu nhập, lợi nhuận thực tế trước và sau khi xảy ra hành vi xâm phạm, tương ứng với từng loại thu nhập quy định tại khoản 1 Điều này;
 - b) So sánh sản lượng, số lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thực tế tiêu thụ hoặc cung ứng trước và sau khi xảy ra hành vi xâm phạm;
 - c) So sánh giá bán thực tế trên thị trường của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ trước và sau khi xảy ra hành vi xâm phạm.

Tổn thất về cơ hội kinh doanh

- 1. Cơ hội kinh doanh bao gồm:
 - a) Khả năng thực tế sử dụng, khai thác trực tiếp đối tượng quyền sở hữu trí tuệ trong kinh doanh;
 - b) Khả năng thực tế cho người khác thuê đối tượng quyền sở hữu trí tuệ;
 - c) Khả năng thực tế chuyển giao quyền sử dụng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, chuyển nhượng đối tượng quyền sở hữu trí tuệ cho người khác;
 - d) Cơ hội kinh doanh khác bị mất do hành vi xâm phạm trực tiếp gây ra.
- 2. Tổn thất về cơ hội kinh doanh là thiệt hại về giá trị tính được thành tiền của khoản thu nhập đáng lẽ người bị thiệt hại có thể có được khi thực hiện các khả năng quy định tại khoản 1 Điều này nhưng thực tế không có được khoản thu nhập đó do hành vi xâm phạm gây ra.

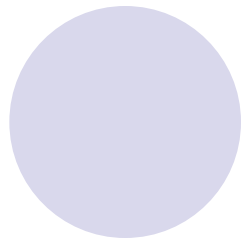
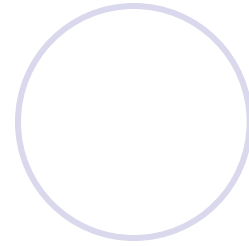
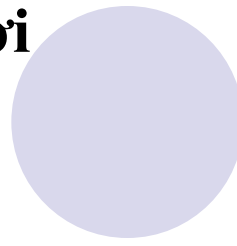
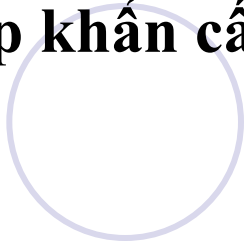
Chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại

- Chi phí hợp lý để *ngăn chặn, khắc phục thiệt hại* gồm chi phí cho việc tạm giữ, bảo quản, lưu kho, lưu bãi đối với hàng hoá xâm phạm, chi phí thực hiện các biện pháp khẩn cấp tạm thời, chi phí hợp lý để thuê dịch vụ giám định, ngăn chặn, khắc phục hành vi xâm phạm và chi phí cho việc thông báo, cải chính trên phương tiện thông tin đại chúng liên quan đến hành vi xâm phạm.

Căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT

- Tổng thiệt hại vật chất tính bằng tiền cộng với khoản lợi nhuận mà bị đơn đã thu được do thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nếu khoản lợi nhuận bị giảm sút của nguyên đơn chưa được tính vào tổng thiệt hại vật chất;
- Giá chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ với giả định bị đơn được nguyên đơn chuyển giao quyền sử dụng đối tượng đó theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ trong phạm vi tương ứng với hành vi xâm phạm đã thực hiện;
- Trong trường hợp không thể xác định được mức bồi thường thiệt hại về vật chất theo các căn cứ quy định trên thì mức bồi thường do Toà án ấn định, tùy thuộc vào mức độ thiệt hại, **nhưng không quá 500 triệu đồng**.
- Nếu chứng minh được thiệt hại về tinh thần thì có quyền yêu cầu Toà án quyết định mức bồi thường trong giới hạn từ **5 triệu đồng đến 50 triệu đồng**, tùy thuộc vào mức độ thiệt hại.
- 3. Ngoài ra, có quyền yêu cầu Toà án buộc tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm phải thanh toán chi phí hợp lý để thuê luật sư.

Các biện pháp khẩn cấp tạm thời



- a) Thu giữ;
- b) Kê biên;
- c) Niêm phong; cấm thay đổi hiện trạng; cấm di chuyển;
- d) Cấm chuyển dịch quyền sở hữu.
- Các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác được áp dụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quyền yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

- **Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong các trường hợp sau đây:**
 - a) Đang có nguy cơ xảy ra thiệt hại không thể khắc phục được cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ;
 - b) Hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc chứng cứ liên quan đến hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có nguy cơ bị tẩu tán hoặc bị tiêu huỷ nếu không được bảo vệ kịp thời.

XỬ LÝ XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ BẰNG *BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH*

- Các hành vi sau đây bị xử phạt hành chính:
- a) Thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội;
- b) Không chấm dứt hành vi xâm phạm quyền SHTT mặc dù đã được thông báo bằng văn bản yêu cầu chấm dứt hành vi đó;
- c) Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ (giả mạo nhãn hiệu, sao chép lậu)
- d) Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán vật mạng nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ ,
- Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh về SHTT thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về CT.

CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT HC

- a) Cảnh cáo (*áp dụng đối với trường hợp vô ý vi phạm; vi phạm nhỏ, lần đầu và có tình tiết giảm nhẹ hoặc đối với mọi hành vi vi phạm HC do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện*);
- b) Phạt tiền (*ít nhất bằng giá trị hàng hoá vi phạm đã phát hiện được và nhiều nhất không vượt quá 5 lần*).
- Hình thức xử phạt bổ sung:
 - a) Tịch thu hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ;
 - b) Đình chỉ có thời hạn hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đã xảy ra vi phạm.

CÁC TRƯỜNG HỢP TỊCH THU HH:

- Trong trường hợp cấp thiết để bảo đảm chứng cứ không bị tiêu hủy, tẩu tán, thay đổi hiện trạng hoặc ngăn ngừa khả năng dẫn đến hành vi xâm phạm tiếp theo.
- Tổ chức, cá nhân xâm phạm không có khả năng, điều kiện để loại bỏ yếu tố xâm phạm khỏi hàng hoá hoặc cố tình không thực hiện yêu cầu loại bỏ yếu tố xâm phạm khỏi hàng hoá hoặc không thực hiện các biện pháp khác theo quy định của cơ quan có thẩm quyền xử lý xâm phạm.
- Hàng hoá không xác định được nguồn gốc, chủ hàng nhưng có đủ căn cứ để xác định hàng hoá đó là hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ.

BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ:

- Ngoài các hình thức xử phạt quy định, còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:
- a) Buộc tiêu huỷ hoặc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ;
- b) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam đối với hàng hoá quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc buộc tái xuất đối với hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá giả mạo về sở hữu trí tuệ sau khi đã loại bỏ các yếu tố vi phạm trên hàng hoá.

BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN& BẢO ĐẢM XỬ PHẠT HC:

- ***1. Điều kiện yêu cầu áp dụng BPNC và bảo đảm XP HC :***
- **a) Hành vi xâm phạm quyền SHTT có nguy cơ gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho người tiêu dùng hoặc cho XH;**
- **b) Tang vật vi phạm có nguy cơ bị tẩu tán hoặc cá nhân, tổ chức vi phạm có biểu hiện trốn tránh trách nhiệm;**
- **c) Nhằm bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.**
- ***2. Biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính:***
- **a) Tạm giữ người;**
- **b) Tạm giữ hàng hoá, tang vật, phương tiện vi phạm;**
- **c) Khám người;**
- **d) Khám phương tiện vận tải, đồ vật; khám nơi cất giấu hàng hoá, tang vật, phương tiện vi phạm về sở hữu trí tuệ;**
- **đ) Các biện pháp ngăn chặn HC khác theo quy định.**

XỬ LÝ XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ BẰNG BIỆN PHÁP HÌNH SỰ

- **Cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự.**

NGHỊ ĐỊNH 106/2006/NĐ-CP (22 / 9 / 2006) QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

- **Điều 6. Hành vi vi phạm quy định về thủ tục xác lập, thực hiện và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp;**
- **Điều 7. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp**
- **Điều 8. Hành vi vi phạm quy định trong hoạt động giám định sở hữu công nghiệp**
- **Điều 9. Hành vi vi phạm quy định về chỉ dẫn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp**
- **Điều 10. Hành vi vi phạm nghĩa vụ bảo mật dữ liệu thử nghiệm khi nộp đơn xin cấp phép kinh doanh, lưu hành dược phẩm, nông hóa phẩm**
- **Điều 11. Hành vi cản trở bất hợp pháp hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra về sở hữu công nghiệp**

NGHỊ ĐỊNH 106/2006/NĐ-CP (22 / 9 / 2006) QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP(tt)

- **Điều 12. Hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí**
- **Điều 13. Hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và tên thương mại**
- **Điều 14. Hành vi sản xuất, vận chuyển, nhập khẩu, buôn bán vật mang nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý vi phạm**
- **Điều 15. Hành vi sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ để bán hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, giả mạo chỉ dẫn địa lý**
- **Điều 16. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh và hành vi vi phạm bí mật kinh doanh trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp**

THẨM QUYỀN XỬ LÝ VI PHẠM TRONG SHCN

- *Việc áp dụng biện pháp dân sự, hình sự thuộc thẩm quyền của Tòa án*
- 1. Cơ quan Thanh tra KH và CN có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm hành chính về sở SHCN xảy ra trong hoạt động SX, KD, khai thác, quảng cáo, lưu thông, trừ hành vi xảy ra trong XK, NK hàng hóa.
- 2. Cơ quan Quản lý thị trường có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm về SHCN xảy ra trong lưu thông HH và KD thương mại trên thị trường.
- 3. Cơ quan Hải quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm về SHCN xảy ra trong xuất khẩu, nhập khẩu HH.
- 4. Cơ quan Công an có thẩm quyền phát hiện, xác minh, thu thập thông tin, chứng cứ của hành vi vi phạm về SHCN và cung cấp cho các cơ quan xử lý vi phạm quy định tại (1, 2 và 3 Điều này) và xử lý các hành vi vi phạm về sở hữu công nghiệp;
- 5. UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm về SHCN xảy ra tại địa phương mà mức phạt, hình thức xử phạt, biện pháp xử lý áp dụng đối với hành vi đó vượt quá thẩm quyền của các cơ quan quy định (1, 2 và 3 Điều này).